

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG HÀ NỘI



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HÌNH THỨC CHÍNH QUY
NGÀNH LUẬT KINH TẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 297 /QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 30 tháng 6 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Ngân hàng Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2025

MỤC LỤC

Phần I. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo	Trang
1.1. Giới thiệu chương trình	1
1.2. Thông tin chung về chương trình	1
1.3. Triết lý đào tạo	2
1.4. Mục tiêu đào tạo	2
1.5. Chuẩn đầu vào (Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh)	2
1.6. Hình thức đào tạo	2
1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá	2
1.8. Điều kiện tốt nghiệp	8
1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp	8
Phần II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
2.1. Kiến thức	10
2.2. Kỹ năng	10
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	10
2.4. Ma trận thể hiện sự phù hợp của mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra	11
Phần III. Nội dung chương trình	
3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình	15
3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức	15
3.3. Khung chương trình	16
3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra	19
3.5. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (theo thiết kế 4 năm)	26
3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần	34
3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình	52
3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình	63
3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo	64

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức toàn diện về pháp luật và các nguyên lý, quy luật cơ bản của kinh tế, xã hội có liên quan. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe; có năng lực thực hành nghề luật; có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội và kinh tế - thương mại.

Chương trình chú trọng phát triển kỹ năng tiếng Anh, năng lực số, tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và soạn thảo văn bản pháp lý. Bên cạnh đó, sinh viên còn được bồi dưỡng tinh thần thượng tôn pháp luật, ý thức phục vụ cộng đồng, khả năng làm việc độc lập, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Luật Kinh tế có đủ năng lực đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn về pháp lý tại các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, doanh nghiệp trong nước và quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

1.2. Thông tin chung về chương trình

- Tên chương trình:

- Tiếng Việt: **Luật Kinh tế**
- Tiếng Anh: **Economic Law**

- Trình độ đào tạo: **Đại học**

- Ngành đào tạo: **Luật Kinh tế**

- Mã số: **7380107**

- Thời gian đào tạo: **04 năm**

- Loại hình đào tạo: **Chính quy**

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

- Tiếng Việt: **Cử nhân Luật Kinh tế**
- Tiếng Anh: **Bachelor of Economic Law**

- Thời gian ban hành chương trình: 2025

- Thời gian rà soát, sửa đổi chương trình gần nhất: 2022

- Kiểm định chương trình: Năm 2024

1.3. Triết lý đào tạo

*“Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm định chất lượng
Thái độ đúng mực, kiến thức sâu rộng, kỹ năng đa dạng”*

1.4. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân ngành Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống; nắm vững nguyên lý, quy luật kinh tế, xã hội liên quan đến pháp luật; có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật phát sinh trong thực tiễn; có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; có tinh thần thượng tôn pháp luật; có ý thức phục vụ nhân dân; đủ năng lực đảm nhận nhiều vị trí chuyên môn về pháp lý trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

1.5. Chuẩn đầu vào

Công dân Việt Nam và người nước ngoài có nguyện vọng được tuyển vào Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội và đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các yêu cầu về chuẩn đầu vào theo Quyết định 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 quy định về Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học, cũng như đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Tài chính-Ngân hàng Hà Nội công bố hàng năm.

1.6. Hình thức đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế được tổ chức theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, theo hệ thống tín chỉ:

- Thời gian đào tạo: 4 năm (tương đương 8 học kỳ chính), với tổng số tín chỉ khoảng 134 tín chỉ, bao gồm cả thực tập và khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế.

- Phương pháp đào tạo: Kết hợp giữa giảng dạy lý thuyết, thực hành, tình huống pháp lý thực tiễn, mô phỏng phiên tòa, tư vấn pháp luật và thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức.

1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

1.7.1 Phương pháp giảng dạy

a) Các phương pháp giảng dạy được lựa chọn gồm:

STT	Phương pháp dạy học	Mục đích
1	Phương pháp thuyết trình	▪ Phát huy tinh thần học tập tích cực, chủ động và sáng tạo của sinh viên, lấy sự chủ động tìm tòi, sáng tạo, tư duy của sinh viên làm nền tảng, giáo viên là người dẫn dắt và gợi mở vấn đề

		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phát triển kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, tăng mức độ tương tác. ▪ Cải thiện tư duy phản biện. ▪ Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế ▪ Khởi nguồn tư duy sáng tạo.
2	Phương pháp dạy học nêu vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Sử dụng tối đa trí tuệ của sinh viên, giúp sinh viên tự lực tìm ra kiến thức, cách thức giải quyết vấn đề bằng phương pháp tư duy linh hoạt, sáng tạo
3	Phương pháp dạy học thông qua tình huống cụ thể (case study)	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hình thành ở sinh viên kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề ▪ Phát triển kỹ năng trình bày, kỹ năng bảo vệ và phản biện quan điểm của sinh viên, làm cho quá trình học tập mang tính chất nghiên cứu khoa học
4	Phương pháp dạy học nhóm	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Góp phần thúc đẩy sinh viên phát huy tính tích cực của bản thân. ▪ Phát triển khả năng làm việc nhóm, khả năng giao tiếp và tính trách nhiệm của sinh viên.
5	Diễn án	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Kích thích người học tích cực hơn trong việc nghiên cứu vấn đề ▪ Giúp người học tiếp thu nội dung lý thuyết bằng cách tiếp cận thực tiễn, nâng cao khả năng tranh luận, phản biện, kỹ năng nghiên cứu văn bản pháp luật, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng viết và trình bày lập luận pháp lý
6	Dạy học thực hành (phương pháp luyện tập)	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề pháp lý
7	Dạy học trải nghiệm: Kiến tập, thực tập doanh nghiệp, cơ quan nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giúp sinh viên hiểu rõ các nội dung môn học ứng dụng vào các vấn đề thực tiễn trong doanh nghiệp, cơ quan nhà nước
8	Hướng dẫn tự học	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.

9	Các phương pháp khác phù hợp chương trình đào tạo	▪ Phương pháp tranh biện, bình luận bản án...
---	---	---

b) Sự phù hợp giữa phương pháp giảng dạy với CDR của CTĐT

Sự phù hợp giữa phương pháp giảng dạy với CDR của CTĐT được xác lập thông qua ma trận dưới đây:

STT	Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra CTĐT (11)											
		Kiến thức (3)			Kỹ năng (5)					TC và TN (3)			
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	
1	Phương pháp thuyết trình	X	X	X	X						X		X
2	Phương pháp dạy học nêu vấn đề	X	X	X			X				X		X
3	Phương pháp dạy học thông qua tình huống cụ thể (case study)		X	X		X	X		X			X	X
4	Phương pháp dạy học nhóm		X	X	X			X					
5	Diễn án					X		X					
6	Dạy học thực hành (phương pháp luyện tập)				X	X					X	X	
7	Dạy học trải nghiệm: Kiến tập, thực tập doanh nghiệp, cơ quan nhà nước				X	X	X	X	X			X	X
8	Hướng dẫn tự học	X	X	X	X		X	X	X				X

1.7.2 Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

a) Các phương pháp và hình thức đánh giá

Các phương pháp đánh giá	Các hình thức đánh giá
* Đánh giá chuyên cần: Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập * Đánh giá kiến thức, kỹ năng: 1) Vấn đáp: Hỏi đáp theo bộ câu hỏi,	1) Đánh giá thường xuyên 2) Đánh giá định kỳ 3) Đánh giá tổng kết: Kết thúc học phần, kết thúc khóa học.

<p>tình huống thực tiễn.</p> <p>2) Viết: Tự luận, bài tập lớn, tiểu luận, bài nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp</p> <p>3) Trắc nghiệm: Trắc nghiệm khách quan, trắc nghiệm tự luận</p> <p>4) Thực hành: Thực tập tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước.</p>	
--	--

b) Ma trận phù hợp giữa các hoạt động kiểm tra, đánh giá đối với CDR của CTĐT

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	Chuẩn đầu ra CTĐT (11)										
		Kiến thức (3)			Kỹ năng (5)					TC và TN (3)		
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3
1	Chuyên cần									X	X	
2	Vấn đáp		X	X	X	X	X		X		X	X
3	Viết	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X
4	Trắc nghiệm	X			X				X			
5	Thực hành		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

c) Thang điểm: Thang điểm số kết hợp với thang điểm chữ

STT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	10	<ul style="list-style-type: none"> Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học bắt buộc: 80%.
2	Bài kiểm tra định kỳ 01 tiết, Bài tập lớn	30	Theo đáp án, thang điểm

3	Thi kết thúc học phần tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc bảo vệ bài tập lớn	60	Theo đáp án, thang điểm
---	---	----	-------------------------

d) Các Rubrics

- Đánh giá bài kiểm tra, thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi. Có phân tích mở rộng (phân tích đúng hướng và đủ ý). Có ví dụ minh họa. Dẫn chiếu chính xác điều luật liên quan. Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic. Không có lỗi về thuật ngữ chuyên môn. Không có lỗi chính tả.	Xuất sắc	90 - 100
Trả lời đúng 70-80% câu hỏi. Dẫn chiếu chính xác điều luật liên quan. Có mở rộng, phân tích đúng hướng nhưng chưa đủ ý. Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. Mắc ít lỗi (1-2 lỗi) về thuật ngữ chuyên môn. Còn lỗi chính tả.	Khá-giỏi	70 - 89
Trả lời đúng 50-60% câu hỏi. Không phân tích mở rộng. Không dẫn chiếu hoặc dẫn chiếu chưa chính xác điều luật liên quan. Trình bày không rõ ý, chưa logic. Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (3-4 lỗi). Còn lỗi chính tả.	Trung Bình	50 - 69
Trả lời sai, lạc đề, hoặc phần trả lời đúng dưới mức 50% câu hỏi. Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 50%. Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (5-6 lỗi).	Yếu	40 - 49

Nhiều lỗi chính tả.		
Trả lời sai, lạc đề, phần trả lời đúng dưới mức 20%. Không làm hết câu hỏi, bỏ đến 80% nội dung. Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 6 lỗi). Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. Nhiều lỗi chính tả.	Kém	Dưới 40

- Đánh giá Báo cáo thực tập

Tiêu chí đánh giá	Thang điểm %
Báo cáo thực tập chứng tỏ được hiểu biết đầy đủ và thực hiện được các mục tiêu đề ra. Có khả năng quan sát, học hỏi và mô tả chính xác các nội dung chính liên quan đến đợt thực tập	80-100%
Báo cáo thực tập chứng tỏ được hiểu biết đáng kể và thực hiện được các mục tiêu đề ra. Có khả năng quan sát, học hỏi và mô tả tương đối chính xác một vài nội dung liên quan đợt thực tập. Bài viết có một vài lỗi và câu không ra nghĩa, tuy nhiên vẫn duy trì được sự rõ ràng và mạch lạc.	70-79%
Báo cáo thực tập chứng tỏ được một vài hiểu biết và thực hiện được các mục tiêu đề ra. Thể hiện khả năng hạn chế trong quan sát, học hỏi và mô tả chính xác các nội dung liên quan đợt thực tập.	60-69%
Báo cáo thực tập thể hiện hạn chế trong việc hiểu và thực hiện được các mục tiêu đề ra. Thể hiện khả năng hạn chế trong quan sát, học hỏi và mô tả chính xác các nội dung liên quan đợt thực tập	50-59%

- Đánh giá Khóa luận tốt nghiệp

STT	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Khóa luận có ý nghĩa khoa học và thực tiễn	1
2	Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong khóa luận và nội dung thực hiện phù hợp	2
3	Cấu trúc khóa luận, hình thức trình bày, diễn đạt, hình vẽ, bảng biểu đảm bảo tính khoa học, súc tích, dễ hiểu	1

4	Kết quả nghiên cứu, thảo luận và kết luận thể hiện sự công phu, nghiêm túc của tác giả trong nghiên cứu khoa học, độ tin cậy cao, diễn giải không trùng lặp, các đề xuất có cơ sở khoa học và thực tiễn	6
	Tổng	10

1.8. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn quy định trong Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 610/QĐ-ĐHTNH ngày 16/12/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

1.9.1 Các nghề nghiệp có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp:

- Chuyên viên về pháp luật trong lĩnh vực được đào tạo (tại các cơ quan pháp luật, cơ quan tư pháp ở trung ương, các cơ quan nhà nước khác ở trung ương, các cơ quan pháp luật, tư pháp ở địa phương, các cơ quan chính quyền địa phương, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tập đoàn, doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tín dụng, các văn phòng, công ty trong lĩnh vực pháp luật);

- Thư ký, trợ lý pháp luật trong các tổ chức, doanh nghiệp;

- Thư ký tòa án;

- Nghiên cứu viên về pháp luật; biên tập viên về pháp luật;

- Giáo viên giảng dạy giáo dục công dân tại các trường trung học phổ thông (nếu có những văn bằng, chứng chỉ đáp ứng yêu cầu của giáo viên theo quy định hiện hành);

- Công chức tư pháp - hộ tịch/công chức tư pháp;

- Tư vấn viên pháp luật; Trợ giúp viên pháp lý;

- Hòa giải viên;

- Các nghề nghiệp khác.

1.9.2 Triển vọng nghề nghiệp:

- Luật sư;

- Thẩm phán sơ cấp, thẩm phán trung cấp, thẩm phán cao cấp, thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Kiểm sát viên sơ cấp, kiểm sát viên trung cấp, kiểm sát viên cao cấp, kiểm sát viên VKSNDTC;

- Chấp hành viên sơ cấp, chấp hành viên trung cấp, chấp hành viên cao cấp;

- Kiểm tra viên sơ cấp, kiểm tra viên chính, kiểm tra viên cao cấp;

- Thẩm tra viên sơ cấp, thẩm tra viên chính, thẩm tra viên cao cấp;
- Thẩm tra viên trong các cơ quan thi hành án dân sự, thẩm tra viên chính, thẩm tra viên cao cấp;
- Giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp về pháp luật;
- Chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp trong các cơ quan nhà nước;
- Thanh tra viên, thanh tra viên chính, thanh tra viên cao cấp;
- Điều tra viên, điều tra viên chính, điều tra viên cao cấp;
- Nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp;
- Công chứng viên;
- Trọng tài viên;
- Hòa giải viên;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Quản tài viên;
- Thừa phát lại;
- Đấu giá viên;
- Các nghề nghiệp khác.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1 Về Kiến thức

PLO 1.1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc và năng lực số khi tiếp cận và luận giải các vấn đề liên quan đến ngành luật nói chung và ngành luật kinh tế nói riêng.

PLO 1.2: Vận dụng được kiến thức lý thuyết và kiến thức thực tiễn về lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật; các học thuyết chính trị - pháp lý; quyền con người và quy định pháp luật của các lĩnh vực luật cơ bản như: luật hành chính - hiến pháp; luật kinh tế; luật quốc tế; luật dân sự; luật hình sự; pháp luật tố tụng để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội.

PLO 1.3: Vận dụng được kiến thức pháp luật chuyên ngành luật kinh tế để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh doanh – thương mại.

2.2 Về Kỹ năng

PLO 2.1: Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và công việc tương đương trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; ứng dụng thành thạo công nghệ để trợ giúp cho công việc chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định.

PLO 2.2: Giao tiếp hiệu quả; thuyết trình rõ ràng, thuyết phục; phối hợp làm việc nhóm hiệu quả trong học tập

PLO 2.3: Đánh giá được các dữ liệu thông tin; phản biện, lập luận chặt chẽ; trình bày bằng lời nói và văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận, quan điểm, giải pháp pháp lý giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

PLO 2.4: Soạn thảo được hợp đồng thương mại, văn bản hành chính, văn bản có tính pháp lý phục vụ hoạt động nghề nghiệp.

PLO 2.5: Đánh giá được các quy định pháp luật, chính sách pháp luật; đề xuất được giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật trong lĩnh vực liên quan

2.3 Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO 3.1: Trung thành với Tổ quốc; có ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật, bảo vệ công lý và quyền con người, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; ủng hộ đổi mới; trung thực, liêm chính, cần trọng, cầu thị, thấu hiểu; có ý thức rèn luyện sức khỏe; có ý thức kỷ luật; có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ cộng đồng, phục vụ nhân dân

PLO 3.2: Có năng lực lập kế hoạch, quản lý các hoạt động chuyên môn; Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ

PLO 3.3: Có đạo đức học tập và đạo đức nghề nghiệp; Có khả năng sáng tạo; vận dụng những kiến thức và kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật, có khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác, tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng học tập suốt đời để thích ứng với môi trường nghề luật trong bối cảnh thay đổi.

2.4. Ma trận thể hiện sự phù hợp của mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

2.4.1 Mã hoá mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế năm 2025; Mục tiêu, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật theo Quyết định 678/QĐ-BGDĐT

a) Mã hóa các Mục tiêu CTĐT ngành LKT năm 2025

Đào tạo cử nhân ngành Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng:

PGO 1: Có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe.

GPO 2: Có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống; nắm vững nguyên lý, quy luật kinh tế, xã hội liên quan đến pháp luật; có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật phát sinh trong thực tiễn.

PGO 3: Có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật.

PGO 4: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; có tinh thần thượng tôn pháp luật; có ý thức phục vụ nhân dân; đủ năng lực đảm nhận nhiều vị trí chuyên môn về pháp lý trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

b) Mã hóa các Mục tiêu của các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật theo Quyết định 678/QĐ-BGDĐT

Mục tiêu của các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học là:

BGPO 1: Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe,

BGPO 2: Có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống, nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật,

BGPO 3: Có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật,

BGPO 4: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Pháp luật, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân.

c) Mã hoá Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật theo Quyết định 678/QĐ-BGDĐT

Chuẩn đầu ra trình độ đại học theo Quy định 678/QĐ-BGDĐT được mã hóa phân cấp dạng **BGD_{i,j}** với $i=1$ là mã hóa các tiêu chí Kiến thức, $i=2$ là mã hóa tiêu các chí Kỹ năng, $i=3$ là mã hóa các tiêu chí tự chủ và trách nhiệm; j là chỉ số các tiêu chí trong mỗi loại tương ứng với chỉ số i :

BGD 1.1 Áp dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về lĩnh vực pháp luật, bao gồm: Kiến thức về lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật; các học thuyết chính trị - pháp lý; luật hiến pháp, quyền con người; nghề luật và đạo đức nghề luật; lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật; nhóm kiến thức luật hành chính; nhóm kiến thức luật kinh tế; nhóm kiến thức luật quốc tế; nhóm kiến thức luật dân sự; nhóm kiến thức luật hình sự.

BGD 1.2 Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc.

BGD 2.1 Có khả năng giao tiếp và tương tác thân thiện, hiệu quả;

BGD 2.2 Có kỹ năng tóm tắt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin, quy định pháp luật;

BGD 2.3 Có kỹ năng phản biện;

BGD 2.4 Có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, phát hiện vấn đề và giải quyết các vấn đề pháp lý;

BGD 2.5 Có kỹ năng diễn đạt, trình bày bằng lời nói hoặc văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận, quan điểm, giải pháp pháp lý; biết soạn thảo các văn bản pháp lý;

BGD 2.6 Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có năng lực ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ công việc, tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản pháp luật trên môi trường internet và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành.

BGD 3.1 Trung thành với Tổ quốc, có ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật; ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người; có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc;

BGD 3.2 Trung thực, liêm chính, cẩn trọng, cầu thị, thấu hiểu; có đạo đức nghề luật;

BGD 3.3 Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm; sáng tạo; có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật; có khả năng thích ứng với môi trường nghề luật trong bối cảnh thay đổi;

BGD 3.4 Chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm; có khả năng hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

2.4.2 Ma trận thể hiện sự phù hợp giữa Mục tiêu CTĐT ngành Luật Kinh tế năm 2025 với Mục tiêu của các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật theo Quyết định 678/QĐ-BGDĐT

Sự phù hợp được xác lập trong ma trận sau, theo đó các ô trong bảng xác định sự phù hợp tương ứng:

PGO ngành Luật kinh tế (2025)	BGPO 1	BGPO 2	BGPO 3	BGPO 4
PGO 1	X			

PGO 2		X		X
PGO 3			X	
PGO 4				X

2.4.3 Ma trận thể hiện sự phù hợp giữa Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Luật Kinh tế năm 2025 với Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật theo Quyết định 678/QĐ-BGDĐT

Sự phù hợp được xác lập trong ma trận sau, theo đó các ô trong bảng xác định sự phù hợp tương ứng:

PLO ngành Luật kinh tế (2025)	BGD 1.1	BGD 1.2	BGD 2.1	BGD 2.2	BGD 2.3	BGD 2.4	BGD 2.5	BGD 2.6	BGD 3.1	BGD 3.2	BGD 3.3	BGD 3.4
PLO 1.1		X						X				
PLO 1.2	X			X	X	X	X					
PLO 1.3	X			X	X	X	X					
PLO 2.1								X				
PLO 2.2			X								X	X
PLO 2.3				X	X		X					
PLO 2.4						X	X					
PLO 2.5	X			X	X		X					
PLO 3.1									X	X		
PLO 3.2											X	X
PLO 3.3										X	X	

2.4.4 Ma trận thể hiện sự phù hợp giữa Chuẩn đầu ra CTĐT với Mục tiêu đào tạo

Sự phù hợp giữa Chuẩn đầu ra và Mục tiêu được xác lập trong ma trận sau. Các ô trong bảng xác định sự phù hợp tương ứng:

CĐR	Mục tiêu CTĐT			
PLO / PGO	PGO 1	PGO 2	PGO 3	PGO 4
PLO 1.1		X		
PLO 1.2		X		
PLO 1.3		X		
PLO 2.1			X	
PLO 2.2			X	
PLO 2.3			X	
PLO 2.4			X	
PLO 2.5			X	
PLO 3.1	X			X
PLO 3.2				X
PLO 3.3				X

1	Kiến thức giáo dục đại cương	40											
1.1	Lý luận chính trị	11	I								R		
1.2	Khoa học tự nhiên, tin học	4				M	I					I	
1.3	Khoa học xã hội	2	R						I			R	
1.4	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	12				M	R					R	
1.5	Giáo dục thể chất và GDQP-An ninh	11		M							M		
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	94											
2.1	Cơ sở ngành	34		M			R	I	I	I	I	R	I
2.2	Cốt lõi ngành	60		M	M		M	M	M	M		M	M
	Tổng cộng	134											

Chú giải:

Mức I (Introduced): Khối kiến thức có hỗ trợ đạt PLO/PI ở mức bắt đầu/nhập môn;

Mức R (Reinforced): Khối kiến thức có hỗ trợ đạt PLO/PI ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có thêm cơ hội thực hành, thực tế, trải nghiệm...;

Mức M (Mastery); Khối kiến thức có hỗ trợ mạnh cho người học trong việc quen thuộc/thuần thục và đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành học phần này thì được xem đã đạt ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO, cũng có thể của cả PLO đó.

3.3. Khung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức			
				LT (giờ)	TH, BT (giờ)	TT (giờ)	Tự học (giờ)
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40				
		<i>*Các học phần bắt buộc</i>	38				
1	DCB.03.11	Triết học Mác – Lênin	3	30	30		90

2	DCB.03.12	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	18		61
3	DCB.03.13	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		61
4	DCB.03.05	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		61
5	DCB.03.14	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	21	18		61
6	DCB.05.11	Tin học 1	2	21	18		61
7	DCB.05.12	Tin học 2	2	21	18		61
8	DCB.04.06	Tiếng Anh 1	4	40	40		120
9	DCB.04.07	Tiếng Anh 2	4	40	40		120
10	DCB.04.08	Tiếng Anh 3	4	40	40		120
11		Giáo dục thể chất	3	30	30		90
12		Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	40	120		240
		*Các học phần tự chọn	2				
13	DLKT.38.45	<i>Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý</i>	2	21	18		61
14	DCB.03.02	<i>Logic học</i>	2	21	18		61
15	DLKT.38.51	<i>Tâm lý học pháp lý</i>	2	21	18		61
16	DLKT.38.29	<i>Xã hội học pháp luật</i>	2	21	18		61
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH	94				
2.1		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	34				
		*Các học phần bắt buộc	32				
17	DLKT.38.52	Lý luận Nhà nước và pháp luật	4	40	40		120
18	DLKT.38.53	Một số học thuyết chính trị - pháp lý	3	30	30		90
19	DLKT.38.54	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	3	30	30		90
20	DLKT.38.55	Nghề luật và đạo đức nghề luật	3	30	30		90
21	DLKT.38.56	Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	3	30	30		90
22	DCB.02.07	Kinh tế vi mô	2	21	18		61
23	DTN.02.31	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	21	18		61
24	DQK.02.09	Quản trị học	2	21	18		61
25	DKT.01.32	Nguyên lý kế toán	2	21	18		61
26	DTA.20.40	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (English for finance & banking - course 1)	4	40	40		120
27	DTA.20.41	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (English for finance & banking - course 2)	4	40	40		120
		*Các học phần tự chọn	2				
28	DLKT.38.24	<i>Kỹ năng làm việc nhóm</i>	2	21	18		61

29	DLKT.38.57	<i>Kỹ năng giao tiếp ứng xử, thuyết trình trong nghề luật</i>	2	21	18		61
2.2		KIẾN THỨC CỐT LÕI NGÀNH	60				
		<i>*Các học phần bắt buộc</i>	50				
30	DLKT.38.04	Luật Hiến pháp - Pháp luật về quyền con người	2	21	18		61
31	DLKT.38.58	Luật Hành chính - Pháp luật phòng, chống tham nhũng	3	30	30		90
32	DLKT.38.28	Luật Dân sự - Những quy định chung	2	21	18		61
33	DLKT.38.12	Luật Dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng	3	30	30		90
34	DLKT.38.59	Luật Thương mại 1 (Luật doanh nghiệp)	2	21	18		61
35	DLKT.38.60	Luật Thương mại 2	2	21	18		61
36	DLKT.38.32	Luật Lao động	3	30	30		90
37	DLKT.38.61	Luật Hôn nhân và gia đình	2	21	18		61
38	DLKT.38.48	Luật Hình sự - Tội phạm học	3	30	30		90
39	DLKT.38.62	Luật Tố tụng dân sự - Diễn án 1	3	21	18	30	81
40	DLKT.38.63	Luật Tố tụng hình sự - Diễn án 2	3	21	18	30	81
41	DLKT.38.64	Luật Tố tụng hành chính - Diễn án 3	3	21	18	30	81
42	DLKT.38.65	Luật Sở hữu trí tuệ - Pháp luật về trí tuệ nhân tạo	3	30	30		90
43	DLKT.38.66	Luật Đất đai	2	21	18		61
44	DLKT.38.67	Luật Tài chính	3	30	30		90
45	DLKT.38.68	Công pháp quốc tế - Pháp luật Asean	3	30	30		90
46	DLKT.38.10	Tư pháp quốc tế	2	21	18		61
47	DLKT.38.69	Xây dựng văn bản pháp luật	2	21	18		61
48	DLKT.38.25	THỰC TẬP CUỐI KHÓA	4			120	80
		<i>*Các học phần tự chọn chuyên ngành</i>	2				
49	DLKT.38.22	<i>Pháp luật về các tổ chức tín dụng</i>	2	21	18		61
50	DLKT.38.14	<i>Luật đầu tư và cạnh tranh</i>	2	21	18		61
51	DLKT.38.70	<i>Luật Kinh doanh bất động sản</i>	2	21	18		61
52	DLKT.38.38	<i>Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán</i>	2	21	18		61
53	DLKT.38.37	<i>Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu</i>	2	21	18		61
54	DLKT.38.71	<i>Luật Môi trường</i>	2	21	18		61

55	DLKT.38.36	Luật Kinh doanh bảo hiểm	2	21	18		61
		<i>*Các học phần tự chọn bổ trợ chuyên ngành</i>	2				
56	DLKT.38.43	Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp	2	21	18		61
57	DLKT.38.44	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	21	18		61
		<i>*Tự chọn Khóa luận tốt nghiệp hoặc kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	6				
58	DLKT.38.26	KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	6			180	120
		CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	6				
59	DLKT.38.40	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	2	21	18		61
60	DLKT.38.39	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	2	21	18		61
61	DLKT.38.41	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	2	21	18		61
		Tổng:	134	1489	1452	390	4769

3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra

Mức đóng góp của từng học phần vào mức độ đạt được CDR của CTĐT được xác lập trong ma trận dưới đây:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra CTĐT (11)										
				Kiến thức (3)			Kỹ năng (5)					TC và TN (3)		
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40											
		<i>*Các học phần bắt buộc</i>	38											
1	DCB.03.1 1	Triết học Mác – Lênin	3	R				I				R		
2	DCB.03.1 2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	I								R		

3	DCB.03.1 3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I								R		
4	DCB.03.0 5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I								R		
5	DCB.03.1 4	Lịch sử Đảng công sản Việt Nam	2	I								R		
6	DCB.05.1 1	Tin học 1	2				R	I					I	
7	DCB.05.1 2	Tin học 2	2				M-A	R					I	
8	DCB.04.0 6	Tiếng Anh 1	4				M	M					R	
9	DCB.04.0 7	Tiếng Anh 2	4				M	M					R	
10	DCB.04.0 8	Tiếng Anh 3	4				M-A	M					R	
11		Giáo dục thể chất	3	M								M		
12		Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	M								M		
		*Các học phần tự chọn	2											
13	DLKT.38 .45	<i>Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý</i>	2	R						I			R	
14	DCB.03.0 2	<i>Logic học</i>	2	R						I			R	
15	DLKT.38 .51	<i>Tâm lý học pháp lý</i>	2	R						I			R	
16	DLKT.38 .29	<i>Xã hội học pháp luật</i>	2	R						I			R	

II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH	94										
2.1		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	34										
		<i>*Các học phần bắt buộc</i>	32										
17	DLKT.38.52	Lý luận Nhà nước và pháp luật	4	I	M			I	I		R	R	R
18	DLKT.38.53	Một số học thuyết chính trị - pháp lý	3	I	R				I		I		I
19	DLKT.38.54	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	3	I	R				I			I	I
20	DLKT.38.55	Nghề luật và đạo đức nghề luật	3		R								R
21	DLKT.38.56	Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	3						M-A	R			
22	DCB.02.07	Kinh tế vi mô	2	M-A							I	I	R
23	DTN.02.31	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	R							I	I	R
24	DQK.02.09	Nguyên lý kế toán	2	R							I	I	R

25	DKT.01.3 2	Quản trị học	2	R							I	I	R	
26	DTA.20.4 0	Tiếng Anh chuyên ngành 1	4				M-A	M					M	
27	DTA.20.4 1	Tiếng Anh chuyên ngành 2	4				M-A	M					M	
		*Các học phần tự chọn	2											
28	DLKT.38 .24	Kỹ năng làm việc nhóm	2				R	M-A					R	
29	DLKT.38 .57	Kỹ năng giao tiếp ứng xử, thuyết trình trong nghề luật	2				R	M-A					R	
2.2		KIẾN THỨC CỐT LÕI NGÀNH	60											
		*Các học phần bắt buộc	50											
30	DLKT.38 .04	Luật Hiến pháp - Pháp luật về quyền con người	2		M				R			I		
31	DLKT.38 .58	Luật Hành chính - Pháp luật phòng, chống tham nhũng	3		M				R			I		

32	DLKT.38 .28	Luật Dân sự - Những quy định chung	2		M				I	I	I			I
33	DLKT.38 .12	Luật Dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng	3		M- A			R	R	R	R		R	
34	DLKT.38 .59	Luật Thương mại 1	2		M- A				I	I	I			I
35	DLKT.38 .60	Luật Thương mại 2	2		M				I	I	I			I
36	DLKT.38 .32	Luật Lao động	2		M				I	I	I			I
37	DLKT.38 .61	Luật Hôn nhân và gia đình	2		M				I	I	I			I
38	DLKT.38 .48	Luật Hình sự - Tội phạm học	3		M			R	R		R	R	R	
39	DLKT.38 .62	Luật Tổ tụng dân sự - Diễn án 1	2		M					M- A		I		R
40	DLKT.38 .63	Luật Tổ tụng hình sự - Diễn án 2	2		M					M- A		I		R
41	DLKT.38 .64	Luật Tổ tụng hành chính - Diễn án 3	2		M					M- A		I		R
42	DLKT.38 .65	Luật Sở hữu trí tuệ - Pháp luật về trí tuệ nhân tạo	3		M			R	R		R		R	

43	DLKT.38 .66	Luật Đất đai	2			M			R		R		R	
44	DLKT.38 .67	Luật Tài chính	3			M			R		R		R	
45	DLKT.38 .68	Công pháp quốc tế - Pháp luật Asean	3			M			R		R		R	
46	DLKT.38 .10	Tư pháp quốc tế	2			M			R		R		R	
47	DLKT.38 .69	Xây dựng văn bản pháp luật	2			M		R		M				R
48	DLKT.38 .25	THỰC TẬP CUỐI KHÓA	4		M	M	M	M	M	M	M-A		M-A	M
		<i>*Các học phần tự chọn chuyên ngành</i>	2											
49	DLKT.38 .22	<i>Pháp luật về các tổ chức tín dụng</i>	2			M					R			R
50	DLKT.38 .14	<i>Luật đầu tư và cạnh tranh</i>	2			M					R			R
51	DLKT.38 .70	<i>Luật Kinh doanh bất động sản</i>	2			M					R			R
52	DLKT.38 .38	<i>Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán</i>	2			M					R			R
53	DLKT.38 .37	<i>Pháp luật về hải quan và</i>	2			M					R			R

		<i>xuất nhập khẩu</i>											
54	DLKT.38 .71	<i>Luật Môi trường</i>	2			M					R		R
55	DLKT.38 .36	<i>Luật Kinh doanh bảo hiểm</i>	2			M					R		R
		*Các học phần tự chọn bổ trợ chuyên ngành	2										
56	DLKT.38 .43	<i>Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp</i>	2			R		R	M	R			R
57	DLKT.38 .44	<i>Kỹ năng tư vấn pháp luật</i>	2			R		R	M	R			R
		*Tự chọn Khóa luận tốt nghiệp hoặc kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp	6										
58	DLKT.38 .26	KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	6		M	M	M	M	M	M	M-A		M-A
		CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ KLTN	6										
59	DLKT.38 .40	<i>Pháp luật về trọng tài</i>	2		R	M			R		M-A		M-A

		<i>thương mại quốc tế</i>											
60	DLKT.38.39	<i>Pháp luật về giao dịch bảo đảm</i>	2		M	R			M		R		R
61	DLKT.38.41	<i>Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại</i>	2					M	M		M		M
		Tổng:	134										

Chú giải:

Mức I (Introduced): Khối kiến thức có hỗ trợ đạt PLO/PI ở mức bắt đầu/nhập môn;

Mức R (Reinforced): Khối kiến thức có hỗ trợ đạt PLO/PI ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có thêm cơ hội thực hành, thực tế, trải nghiệm...;

Mức M (Mastery); Khối kiến thức có hỗ trợ mạnh cho người học trong việc quen thuộc/thuần thục và đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành học phần này thì được xem đã đạt ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO, cũng có thể của cả PLO đó.

“A” là học phần quan trọng (Học phần cốt lõi-hỗ trợ cao nhất việc đạt được PLO/PI), cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá đạt được CDR.

3.5. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (theo thiết kế 4 năm)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40										
		<i>*Các học phần bắt buộc</i>	38										
1	DCB.03.11	Triết học Mác – Lênin	3	3									
2	DCB.03.12	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		2								
3	DCB.03.13	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2						
4	DCB.03.05	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2								

5	DCB.03.14	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2							
6	DCB.05.11	Tin học 1	2		2						
7	DCB.05.12	Tin học 2	2			2					
8	DCB.04.06	Tiếng Anh 1	4		4						
9	DCB.04.07	Tiếng Anh 2	4			4					
10	DCB.04.08	Tiếng Anh 3	4				4				
11		Giáo dục thể chất	3	3							
12		Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	8							
		*Các học phần tự chọn	2	2							
13	DLKT.38.45	<i>Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý</i>	2	2							
14	DCB.03.02	<i>Logic học</i>	2	2							
15	DLKT.38.51	<i>Tâm lý học pháp lý</i>	2	2							
16	DLKT.38.29	<i>Xã hội học pháp luật</i>	2	2							
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH	94								
2.1		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	34								
		*Các học phần bắt buộc	32								
17	DLKT.38.52	Lý luận Nhà nước và pháp luật	4		4						
18	DLKT.38.53	Một số học thuyết chính trị - pháp lý	3			3					
19	DLKT.38.54	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	3		3						
20	DLKT.38.55	Nghề luật và đạo đức nghề luật	3					3			
21	DLKT.38.56	Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	3							3	
22	DCB.02.07	Kinh tế vi mô	2			2					
23	DTN.02.31	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2				2				
24	DQK.02.09	Nguyên lý kế toán	2					2			
25	DKT.01.32	Quản trị học	2						2		
26	DTA.20.40	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (English for	4					4			

		finance & banking - course 1)									
27	DTA.20.41	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (English for finance & banking - course 2)	4						4		
		*Các học phần tự chọn	2						2		
28	DLKT.38.24	Kỹ năng làm việc nhóm	2						2		
29	DLKT.38.57	Kỹ năng giao tiếp ứng xử, thuyết trình trong nghề luật	2						2		
2.2		KIẾN THỨC CỐT LÕI NGÀNH	60								
		*Các học phần bắt buộc	50								
30	DLKT.38.04	Luật Hiến pháp (quyền con người)	2			2					
31	DLKT.38.58	Luật Hành chính	3			3					
32	DLKT.38.28	Luật Dân sự - Những quy định chung	2			2					
33	DLKT.38.12	Luật Dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng	3				3				
34	DLKT.38.59	Luật Thương mại 1 (Luật doanh nghiệp)	2					2			
35	DLKT.38.60	Luật Thương mại 2	2							2	
36	DLKT.38.32	Luật Lao động	3					3			
37	DLKT.38.61	Luật Hôn nhân và gia đình	2							2	
38	DLKT.38.48	Luật Hình sự - Tội phạm học	3				3				
39	DLKT.38.62	Luật Tố tụng dân sự - Diễn án 1	3					3			
40	DLKT.38.63	Luật Tố tụng hình sự - Diễn án 2	3				3				
41	DLKT.38.64	Luật Tố tụng hành chính - Diễn án 3	3						3		
42	DLKT.38.65	Luật Sở hữu trí tuệ - Pháp luật về trí tuệ nhân tạo	3						3		
43	DLKT.38.66	Luật Đất đai	2						2		

44	DLKT.38.67	Luật Tài chính	3							3	
45	DLKT.38.68	Công pháp quốc tế - Pháp luật Asean	3						3		
46	DLKT.38.10	Tư pháp quốc tế	2							2	
47	DLKT.38.69	Xây dựng văn bản pháp luật	2							2	
48	DLKT.38.25	THỰC TẬP CUỐI KHÓA	4								4
		<i>*Các học phần tự chọn chuyên ngành</i>	2							2	
49	DLKT.38.22	<i>Pháp luật về các tổ chức tín dụng</i>	2							2	
50	DLKT.38.14	<i>Luật đầu tư và cạnh tranh</i>	2							2	
51	DLKT.38.70	<i>Luật Kinh doanh bất động sản</i>	2							2	
52	DLKT.38.38	<i>Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán</i>	2							2	
53	DLKT.38.37	<i>Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu</i>	2							2	
54	DLKT.38.71	<i>Luật Môi trường</i>	2							2	
55	DLKT.38.36	<i>Luật Kinh doanh bảo hiểm</i>	2							2	
		<i>*Các học phần tự chọn bổ trợ chuyên ngành</i>	2							2	
56	DLKT.38.43	<i>Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp</i>	2							2	
57	DLKT.38.44	<i>Kỹ năng tư vấn pháp luật</i>	2							2	
		<i>*Tự chọn Khóa luận tốt nghiệp hoặc kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	6								
58	DLKT.38.26	KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	6								6
		CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	6								

59	DLKT.38.40	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	2								2
60	DLKT.38.39	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	2								2
61	DLKT.38.41	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	2								2
		Tổng số tín chỉ trong kỳ	:	18	17	18	17	17	19	18	10

3.6 Các chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã hóa các chỉ số đánh giá- **PI** (Performance Index): **PI** i.j-k, trong đó:

- **PI**i.j là chỉ số đánh giá của Chuẩn đầu ra PLOi.j
- k là số thứ tự của các chỉ số đánh giá.

Ví dụ: PI1.2-2: là chỉ số đánh giá thứ 2 của Chuẩn đầu ra PLO1.2 .

Loại CDR	Các chuẩn đầu ra (PLO)	STT PIs	PI	Mức Bloom
1) Kiến thức				
CHUẨN ĐẦU RA CHUNG	PLO 1.1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc và năng lực số khi tiếp cận và luận giải các vấn đề liên quan đến ngành luật nói chung và ngành luật kinh tế nói riêng.	1.	PI 1.1-1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lý luận về chính trị, xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc khi tiếp cận và luận giải các vấn đề liên quan đến ngành luật	3
		2.	PI 1.1-2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế khi tiếp cận và luận giải các vấn đề liên quan đến ngành luật kinh tế	3
		3.	PI 1.1-3: Vận dụng được kiến thức cơ bản về năng lực số trong học tập chuyên ngành.	2
CDR CHUYÊN NGÀNH	PLO 1.2: Vận dụng được kiến thức lý thuyết và kiến thức thực tiễn về lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật; các học thuyết chính trị - pháp lý; quyền con người và quy định pháp luật của các lĩnh vực luật cơ bản	4.	PI 1.2-1: Xác định đúng quan hệ pháp luật và luật điều chỉnh đối với vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn	3
		5.	PI 1.2-1: Giải quyết được vấn đề pháp lý thực tiễn dựa trên kiến thức về lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật; các học thuyết chính trị - pháp lý; quyền con người và quy định pháp	3

	như: luật hành chính - hiến pháp; luật kinh tế; luật quốc tế; luật dân sự; luật hình sự; pháp luật tố tụng để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội.		luật của các lĩnh vực luật cơ bản như: luật hành chính - hiến pháp; luật kinh tế; luật quốc tế; luật dân sự; luật hình sự; pháp luật tố tụng	
	PLO 1.3: Vận dụng được kiến thức pháp luật chuyên ngành luật kinh tế để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh doanh – thương mại.	6.	PI 1.3-1: Xác định đúng quan hệ pháp luật và luật điều chỉnh đối với vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh - thương mại	2
		7.	PI 1.3-2: Giải quyết được vấn đề pháp lý thực tiễn trong lĩnh vực kinh doanh thương mại dựa trên kiến thức pháp luật chuyên ngành luật kinh tế	3
2) Kỹ năng				
CHUẨN ĐẦU RA CHUNG	PLO 2.1: Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và công việc tương đương trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; ứng dụng thành thạo công nghệ để trợ giúp cho công việc chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định	8.	PI 2.1-1: Kỹ năng tiếng Anh đạt bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	3
		9.	PI 2.1-2: Dẫn chứng được kết quả nghiên cứu trong tài liệu pháp lý chuyên môn ngành luật kinh tế của nước ngoài vào bài tập, tiểu luận, khoá luận, báo cáo nghiên cứu khoa học	3
		10.	PI 2.1-3: Sử dụng được các trình duyệt Internet để truy cập các Website, các trình tìm kiếm như Google để tìm kiếm thông tin, các công cụ lưu trữ đám mây như Google Driver.	2
		11.	PI 2.1-4: Sử dụng được các công cụ tạo, sửa nội dung số như phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm tạo bản thuyết trình.	2
		12.	PI 2.1-5: Sử dụng được các công cụ giao tiếp trên môi trường số như email, chat, mạng xã hội, sử dụng được các dịch vụ công trực tuyến	2

		13.	PI 2.1-6: Sử dụng được các công cụ bảo vệ dữ liệu như các phần mềm diệt virus, backup dữ liệu.	2	
		14.	PI 2.1-7: Sử dụng được các công cụ AI chatbot cơ bản như Copilot của Microsoft, ChatGPT.	2	
	PLO 2.2: Giao tiếp hiệu quả; thuyết trình rõ ràng, thuyết phục; phối hợp làm việc nhóm hiệu quả trong học tập	15.	PI 2.2-1: Xây dựng và thực hiện được bài thuyết trình hiệu quả với lập luận chặt chẽ, phản biện thuyết phục, sử dụng các công cụ hỗ trợ âm thanh, hình ảnh, tác phong đĩnh đạc thu hút sự tham gia của người nghe	3	
		16.	PI 2.2-2: Thiết lập kế hoạch làm việc nhóm cụ thể với tinh thần hợp tác, tôn trọng, đáp ứng mục tiêu đề ra	3	
		17.	PI 2.2-3: Hoàn thành trách nhiệm cá nhân đóng góp vào thành công của nhóm, đánh giá được chất lượng công việc của mỗi thành viên trong nhóm	3	
	CDR CHUYÊN NGÀNH	PLO 2.3: Đánh giá được các dữ liệu thông tin; phản biện, lập luận chặt chẽ; trình bày bằng lời nói và văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận, quan điểm, giải pháp pháp lý giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.	18.	PI 2.3-1: Đánh giá các dữ liệu thông tin một cách đa chiều, logic, độc lập, khách quan	4
			19.	PI 2.3-2: Xây dựng lập luận logic dựa trên căn cứ pháp lý rõ ràng, chính xác đồng thời thể hiện được bằng lời nói và văn bản	4
20.			PI 2.3-3: Xây dựng giải pháp pháp lý giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn dựa trên căn cứ pháp lý rõ ràng, lập luận chặt chẽ đồng thời thể hiện được bằng lời nói và văn bản	4	
PLO 2.4: Soạn thảo được hợp đồng thương mại, văn bản hành chính, văn bản có tính pháp lý phục vụ hoạt động nghề nghiệp.		21.	PI 2.4-1: Xác định được loại hợp đồng, văn bản hành chính, văn bản có tính pháp lý phù hợp với yêu cầu của tình huống thực tiễn	4	
		22.	PI 2.4-2: Soạn thảo được hợp đồng thương mại, văn bản hành chính, văn bản có tính pháp lý đúng quy định, cấu	4	

			trúc hợp lý và đáp ứng yêu cầu của tình huống thực tiễn	
	PLO 2.5: Đánh giá được các quy định pháp luật, chính sách pháp luật, đề xuất được giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật trong lĩnh vực liên quan	23.	PI 2.5-1: Đánh giá được hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật, chính sách pháp luật và thực tiễn tổ chức thực hiện pháp luật	4
		24.	PI 2.5-2: Đề xuất được giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật, chính sách pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật	4
3) Năng lực tự chủ, trách nhiệm				
CHUẨN ĐẦU RA CHUNG	PLO 3.1: Trung thành với Tổ quốc; có ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật, bảo vệ công lý và quyền con người, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; ủng hộ đổi mới; trung thực, liêm chính, cần trọng, cầu thị, thấu hiểu; có ý thức rèn luyện sức khỏe; có ý thức kỷ luật; có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ cộng đồng, phục vụ nhân dân;	25.	PI 3.1-1: Trung thành với Tổ quốc; có ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật, bảo vệ công lý và quyền con người, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc	3
		26.	PI 3.1-2: Ủng hộ đổi mới; trung thực, liêm chính, cần trọng, cầu thị, thấu hiểu	3
		27.	PI 3.1-3: Có ý thức rèn luyện sức khỏe; có ý thức kỷ luật	3
		28.	PI 3.1-4: Có tinh thần hợp tác, thái độ phục vụ cộng đồng, phục vụ nhân dân	3
	PLO 3.2: Có năng lực lập kế hoạch, quản lý các hoạt động chuyên môn; Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.	29.	PI 3.2-1: Có năng lực lập kế hoạch, quản lý các hoạt động chuyên môn;	2
		30.	PI 3.2-2: Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, có khả năng hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.	3
CDR CH		31.	PI 3.3-1: Tuân thủ đạo đức học tập và đạo đức nghề nghiệp	3

<p>PLO 3.3: Có đạo đức học tập và đạo đức nghề nghiệp; Có khả năng sáng tạo; vận dụng những kiến thức và kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật; có khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác; tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng học tập suốt đời để thích ứng với môi trường nghề luật trong bối cảnh thay đổi</p>	32.	PI 3.3-2: Sáng tạo, vận dụng kiến thức để chủ động nêu ra kết luận chuyên môn độc lập trong học tập	4
		PI 3.3-3 Tạo lập việc làm cho mình và người khác	4
	33.	PI 3.3-4: Tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ và tự định hướng chuyên môn để thích nghi với môi trường làm việc đa dạng	4

3.7. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần

1) Triết học Mác – Lênin: **3TC**

Học phần Triết học Mác – Lênin nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực này. Sinh viên sẽ được trang bị lý thuyết, kỹ năng thực hành và khả năng phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Học phần còn giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và năng lực vận dụng pháp luật vào giải quyết tình huống cụ thể.

2) Kinh tế chính trị Mác – Lênin: **2TC**

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực này. Sinh viên sẽ được trang bị lý thuyết, kỹ năng thực hành và khả năng phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Học phần còn giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và năng lực vận dụng pháp luật vào giải quyết tình huống cụ thể.

3) Chủ nghĩa xã hội khoa học: **2TC**

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm các nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4) Tư tưởng Hồ Chí Minh: **2TC**

Học phần này cung cấp cho sinh viên cơ sở hình thành và quá trình phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh Giúp sinh viên nắm được các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

5) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: 2TC

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm các nội dung: Đối tượng, chức năng nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Đảng lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-đến nay).

6) Tin học 1: 2TC

Học phần Tin học 1 trang bị cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính, sử dụng hệ điều hành và xử lý các lỗi thông thường, trình duyệt web, thư điện tử. Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản, sử dụng phần mềm bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu.

7) Tin học 2: 2TC

Học phần Tin học 2 trang bị cho sinh viên có đủ kiến thức để thực hành kỹ năng cần thiết; để học các học phần tin học nâng cao và tin học chuyên ngành hoặc các học phần thuộc các chuyên ngành khác có ứng dụng tin học; để sử dụng máy tính và Internet phục vụ hiệu quả cho công việc và cuộc sống. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ đạt chuẩn các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành

8) Tiếng Anh 1: 4TC

Học phần Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ bản dành cho sinh viên không chuyên, gồm khối lượng kiến thức của 06 bài trong cuốn giáo trình New English File – Elementary do các tác giả Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig và Paul Selison biên soạn. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

9) Tiếng Anh 2: 4TC

Học phần Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ bản dành cho sinh viên không chuyên, gồm 03 bài (7, 8, 9) trong cuốn giáo trình New English File – Elementary và 03 bài (1, 2, 3) trong cuốn giáo trình New English File - Pre – Intermediate

do các tác giả Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig và Paul Seligson biên soạn. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

10) Tiếng Anh 3: 4TC

Học phần Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ bản dành cho sinh viên không chuyên, gồm 06 bài (Từ File 04 đến File 09) trong cuốn giáo trình New English File – Pre-intermediate do các tác giả Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig và Paul Seligson biên soạn. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

11) Giáo dục thể chất: 3TC

Học phần Giáo dục Thể chất nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội cho sinh viên với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện đào tạo đội ngũ; phát triển hài hòa về thể lực và tư duy, có thể chất cường tráng, đáp ứng yêu cầu xã hội. Thông qua các hoạt động Giáo dục Thể chất để thúc đẩy các phong trào thể dục, thể thao trong toàn trường.

12) Giáo dục quốc phòng – an ninh: 8TC

Học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực này. Sinh viên sẽ được trang bị lý thuyết, kỹ năng thực hành và khả năng phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Đề cập đến những vấn đề cơ bản về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Các quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, đánh bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam. Giới thiệu một số chủ trương, biện pháp chủ yếu của Đảng, Nhà nước về xây dựng, củng cố nền quốc phòng và an ninh quốc gia. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng XHCN và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giới thiệu một số tính năng, tác dụng của một số vũ khí bộ binh thuốc nổ, vũ khí hủy diệt, cách sử dụng, cách phòng chống vũ khí hủy diệt. Đồng thời trang bị một số kiến thức thông thường về bản đồ quân sự, hướng dẫn các kỹ thuật cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong chiến đấu, điều lệnh đội ngũ và điều lệnh kỷ luật trong quân đội.

13) Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý: 2TC

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý sẽ nhấn mạnh đến các phương pháp nghiên cứu luật học, các kỹ năng mà sinh viên cần có để học tốt các môn trong chương trình cử nhân luật, đặc biệt là viết khóa luận tốt nghiệp, và sau khi tốt nghiệp có thể thực hiện các công việc nghiên cứu, tư vấn và xử lý các vấn đề pháp lý.

Học phần này cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức sau đây: (i) giới thiệu về phương pháp phân tích, giải thích luật viết với các nội dung như khái niệm phương pháp nghiên cứu khoa học luật, nguồn luật và hệ thống văn bản quy cứu và phân phạm pháp luật

ở Việt Nam, nguyên tắc phân tích, giải thích luật, vai trò, ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu luật, cách thức chuẩn bị cho hoạt động nghiên cứu luật, các phương pháp phân tích và giải thích pháp luật, cách thức giải quyết mâu thuẫn, phương pháp bình luận bản án và giải quyết tình huống pháp lý; (ii) giới thiệu về phương pháp thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học luật gồm các nội dung như khái niệm, đặc trưng, ý nghĩa, phân loại công trình nghiên cứu luật, cách xây dựng và phát triển ý tưởng nghiên cứu, cách thức thực hiện và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp và các công trình nghiên cứu khoa học luật.

Mục đích của học phần giúp người học nắm vững kiến thức cơ bản về các phương pháp phân tích, giải thích pháp luật và phương pháp thực hiện một công trình nghiên cứu luật; phân tích và đánh giá chính xác đối với các quy phạm pháp luật nghiên cứu; áp dụng được các nguyên tắc và công cụ phân tích, giải thích luật để giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tiễn; biết cách bình luận một bản án; áp dụng được phương pháp thực hiện một công trình nghiên cứu luật để viết một bài báo khoa học, thực hiện tiểu luận hoặc luận văn tốt nghiệp.

14) Logic học: 2TC

Học phần Logic học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn, trang bị cho người học những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật lôgic hình thức cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật cấm mâu thuẫn (Logic); Quy luật bài trung và Quy luật lý do đầy đủ. Từ đó người học hình dung được một cách cụ thể vai trò và tác động của tư duy logic trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn; giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi logic của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác chặt chẽ, khoa học cho mình.

Môn học không chỉ trang bị cho người học những phương pháp tư duy đúng đắn để có thể phán ánh chân thực đối tượng ở trạng thái đứng im tương đối của đối tượng (mặt hình thức của nó) mà còn cung cấp những cơ sở và nền tảng cho một phương pháp tư duy đúng đắn nói chung, giúp người học vận dụng vào quá trình suy nghĩ; có được tư duy đúng, chính xác, lập luận chặt chẽ, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục; trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc; sử dụng những phương pháp tư duy đúng đắn trong hoạt động thực tiễn một cách có hiệu quả; tạo nền tảng quan trọng cho việc học tập và nghiên cứu các lĩnh vực khoa học khác, đặc biệt là khoa học pháp lý.

15) Tâm lý học pháp lý: 2TC

Tâm lý học tư pháp là ngành khoa học tâm lý ứng dụng, trang bị cho người học luật những kiến thức cơ bản về tâm lý và hành vi của các chủ thể khác nhau trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, giúp họ có thể giải quyết hiệu quả nhiệm vụ đặt ra trong quá trình hành nghề luật sau này.

16) Xã hội học pháp luật: 2TC

Học phần trang bị cho sinh viên luật cách tiếp cận mới - tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện, hiện tượng pháp luật xảy ra trong xã hội thông qua việc áp dụng các phương pháp điều tra xã hội học để thu thập, xử lý và phân tích các thông tin thực nghiệm làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của chúng. Sinh viên nắm bắt được trào lưu nghiên cứu pháp luật trên thế giới để có cái nhìn đối sánh với luật học trong nước; làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật với các loại chuẩn mực xã hội khác, như chuẩn mực chính trị, chuẩn mực đạo đức; phân tích, làm nổi bật các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật trong thực tế xã hội ở nước ta hiện nay. Việc học tập, nghiên cứu xã hội học pháp luật mang lại cho sinh viên luật nhiều kiến thức thiết thực, phục vụ trực tiếp cho quá trình học tập và nghiên cứu các môn khoa học pháp lý.

17) Lý luận Nhà nước và pháp luật: 4TC

Học phần Lý luận chung về nhà nước và pháp luật bao gồm 16 chương, là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật. Học môn học này, sinh viên sẽ tiếp thu được những kiến thức cơ bản về: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, kiểu, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật với các hiện tượng xã hội khác; quá trình vận động và phát triển của nhà nước và pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; ý thức pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; pháp chế, nhà nước pháp quyền v.v.

18) Một số học thuyết chính trị - pháp lý: 3TC

Một số học thuyết chính trị pháp lý là môn khoa học pháp lý cơ sở cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống, giúp sinh viên hiểu được sự phát triển lịch sử và nội dung cốt lõi của các học thuyết chính trị – pháp lý. Phân biệt các trường phái tư tưởng pháp lý và nền tảng triết học của chúng. Từ đó người học có khả năng vận dụng các học thuyết để phân tích, đánh giá các hiện tượng pháp lý – chính trị hiện đại, hình thành tư duy phản biện và nhận thức hệ thống về nhà nước và pháp luật.

19) Lịch sử Nhà nước và Pháp luật: 3TC

Lịch sử nhà nước và pháp luật là môn khoa học pháp lý cơ sở cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống về quá trình hình thành, phát triển, thay thế của nhà nước và pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam qua các thời kì; khái quát những đặc điểm cơ bản trong quá trình hình thành, phát triển, hội nhập với khu vực và quốc tế của nhà nước và pháp luật Việt Nam trong tiến trình lịch sử; rút ra những bài học kinh nghiệm đối với công cuộc xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam giai đoạn hiện nay và dự báo xu thế vận động, phát triển của nhà nước và pháp luật.

20) Nghề luật và đạo đức nghề luật: 3TC

Học phần Nghề luật và đạo đức nghề luật trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng của nghề luật, về các vị trí việc làm mà người học sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân luật nói chung và chương trình đào tạo cử nhân luật kinh tế nói riêng có thể đảm nhận cũng như các quy tắc đạo đức mà mỗi người hành nghề luật phải tuân thủ. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm, quyền, nghĩa vụ của người hành nghề luật.. Học phần đặt trọng tâm vào việc giáo dục cho người học hiểu, ghi nhớ và thực hiện các Quy tắc ứng xử nghề nghiệp trong những tình huống nghề nghiệp cụ thể; khơi dậy, lan tỏa, tạo dựng niềm tin công lý, sự thượng tôn pháp luật và việc thực hiện sứ mệnh nghề nghiệp của người hành nghề luật đối với cộng đồng và xã hội. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ bản chất, đặc điểm, vai trò xã hội và yêu cầu đối với nghề luật; nhận thức được các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp luật sư, thẩm phán, công tố viên, công chứng viên,... Thông qua các hoạt động phân tích và giải quyết các tình huống đạo đức trong hành nghề luật, sẽ hình thành phẩm chất nghề nghiệp phù hợp cho sinh viên luật trong tương lai.

21) Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật: 3TC

Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành tự chọn, cung cấp cho người học hai khối kiến thức cơ bản: Kỹ năng lập luận và Kỹ năng viết cho người hành nghề luật.

Phần Kỹ năng lập luận cho người hành nghề luật nhằm mục đích giúp người học hiểu được tầm quan trọng của lập luận trong các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ; nắm vững lý thuyết về lập luận và các kỹ năng lập luận nói chung, lập luận pháp lý nói riêng để nâng cao các khả năng nói và viết một cách logic, chặt chẽ, mạch lạc, có sức thuyết phục, từ đó có thể vận dụng có hiệu quả trong việc hành nghề luật. Cụ thể, học phần trang bị cho người học các kỹ năng tư duy và ngôn ngữ như: kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng nhận biết các vấn đề pháp lý và xác định các công cụ lập luận: phương pháp lập luận trong tư duy; phương pháp suy luận diễn dịch; sử dụng các thao tác suy luận; sử dụng luận điểm, luận cứ, luận chứng nhằm xác định bản chất và tính hợp pháp của vấn đề pháp lý; xác định ranh giới, mức độ đáp ứng yêu cầu của đối tác dựa trên các tình tiết, sự kiện, và luật pháp; qua đó giúp người học biết nghĩ một cách sâu sắc, viết một cách chính xác, nói một cách thuyết phục trong quá trình hành nghề luật.

Kỹ năng viết là một trong những kỹ năng cơ bản và quan trọng nhất của người hành nghề luật. Phần này của Học phần sẽ hướng dẫn người học các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong văn bản, rèn luyện kỹ năng viết một số văn bản pháp lý thông dụng như văn bản phân tích pháp lý, văn bản tranh luận, thư từ giao dịch, biên bản, báo cáo trong quá trình thực hành nghề luật

22) Kinh tế vi mô: 2TC

Kinh tế học vi mô là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy luật của nền kinh tế thị trường, cách hoạt động kinh tế của các thành viên trong nền kinh tế, cách quyết định sử dụng nguồn lực tối ưu. Trang bị cho sinh viên khả năng phân tích về cung cầu và thị trường, hành vi người tiêu dùng, hành vi người sản xuất và vai trò của Chính phủ trong việc phân bổ các nguồn lực chung, kiểm soát ô nhiễm, cung cấp hàng hóa công cộng, tác động của các chính sách của Chính phủ đối với hoạt động của từng đơn vị kinh tế và của toàn bộ nền kinh tế.

23) Lý thuyết tài chính tiền tệ: 2TC

Học phần giới thiệu một cách khái quát những vấn đề liên quan đến tài chính tiền tệ, đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng, tiền tệ và thị trường tài chính. Đồng thời, qua đó có thể nắm được những vấn đề liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước, chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp; những vấn đề liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại, liên quan đến huy động vốn và cho vay hay những vấn đề liên quan đến lạm phát và thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán.

24) Quản trị học: 2TC

Quản trị học là học phần cung cấp các lý thuyết về hành vi tổ chức và các lý thuyết cơ bản về quản trị nhằm mục đích tạo được cái nhìn tổng quát và có được kiến thức cơ bản của môn học này làm cơ sở cho việc nghiên cứu sâu hơn các môn học về quản trị. Nội dung giảng dạy và các ví dụ minh họa phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà nội.

25) Nguyên lý kế toán: 2TC

Học phần Nguyên lý Kế toán nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản của khoa học kế toán như bản chất của kế toán, đối tượng, hệ thống các phương pháp kế toán, đồng thời cùng nghiên cứu những nhiệm vụ, yêu cầu, nguyên tắc chung của kế toán, vị trí của kế toán trong hệ thống quản lý, việc vận dụng những lý luận cơ bản của khoa học kế toán trong 1 loại hình đơn vị cụ thể - doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

26) Tiếng Anh chuyên ngành 1 (English for finance & banking - course 1): 4TC

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 gồm nội dung 06 bài (Unit 1 – Unit 6) trong giáo trình Finance 1 do tác giả Richard Clark và David Baker biên soạn. Mỗi đơn vị bài học được thiết kế 3 phần chính: kiến thức - kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, phát âm, trọng tâm ngôn ngữ):

Phần 1: Career skills: Trải nghiệm kinh nghiệm làm việc, tìm hiểu về các vị trí công việc trong lĩnh vực kinh tế-tài chính.

Phần 2: Language skills: Luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Phần 3: Language spots: Củng cố kiến thức ngữ pháp, từ vựng và bài tập vận dụng

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cần thiết trong các công việc liên quan đến lĩnh vực kinh tế-tài chính.

27) Tiếng Anh chuyên ngành 2 (English for finance & banking - course 2): 4TC

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 2 gồm khối lượng kiến thức của 06 bài (từ bài 7 đến bài 12) trong giáo trình English for Career: Finance 1 do các tác giả Richard Clark và David Baker biên soạn. Mỗi đơn vị bài học được thiết kế 3 phần chính: kiến thức - kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, phát âm, trọng tâm ngôn ngữ):

Phần 1: Career skills and knowledge: Trải nghiệm kinh nghiệm làm việc, tìm hiểu về các vị trí công việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Phần 2: Language skills: Luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Phần 3: Language knowledge: Củng cố kiến thức ngữ pháp, từ vựng và bài tập vận dụng

Học phần còn giúp người học phát triển các kỹ năng giao tiếp cần thiết trong môi trường tài chính và ngân hàng. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, chuẩn bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết và ứng dụng vào thực tiễn sau khi ra trường, có khả năng đảm nhận các công việc trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng.

28) Kỹ năng làm việc nhóm: 2TC

Học phần giới thiệu tầm quan trọng của kỹ năng làm việc nhóm, phân tích được các nội dung cơ bản của kỹ năng làm việc nhóm: khái niệm nhóm; các giai đoạn hình thành và phát triển của nhóm; các kiểu tính cách và vai trò cá nhân trong nhóm; các phong cách lãnh đạo; phân tích được các mâu thuẫn nhóm và đánh giá tầm quan trọng của quản lý xung đột. Học phần nhằm giúp sinh viên có nhận thức khoa học về làm việc nhóm và kỹ năng làm việc nhóm; hình thành cho sinh viên thái độ làm việc nhóm tích cực, chủ động. Trên cơ sở kiến thức, thái độ đó sinh viên có được năng lực làm việc nhóm hiệu quả trong sinh hoạt, học tập và công việc.

29) Kỹ năng giao tiếp ứng xử, thuyết trình trong nghề luật: 2TC

Học phần này tập trung vào việc phát triển các kỹ năng mềm cần thiết cho người làm luật, bao gồm kỹ năng giao tiếp, ứng xử, thuyết trình, đàm phán và giải quyết vấn đề. Bao gồm các nội dung như kỹ năng giao tiếp hiệu quả với khách hàng, đồng nghiệp, tòa án và các chủ thể khác, kỹ năng ứng xử chuyên nghiệp trong các tình huống pháp lý, kỹ năng thuyết trình rõ ràng, mạch lạc và thuyết phục.

30) Luật Hiến pháp - Pháp luật về quyền con người: 3TC

Học phần Luật Hiến pháp – Pháp luật về quyền con người bao gồm 17 chương. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của khoa học Luật Hiến pháp Việt Nam bao gồm các nội dung về quyền con người, quyền cơ bản của công dân (các quyền cơ bản hiến

định), tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam, tổ chức, hoạt động và giới hạn quyền lực của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương của Việt Nam.

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Dựa trên lý luận sinh viên vận dụng những kiến thức được trang bị để phân tích, giải thích, đánh giá các sự kiện và các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá giáo dục, khoa học, công nghệ mang tính thời sự, đặc biệt là về tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương.

31) Luật Hành chính - Pháp luật phòng, chống tham nhũng: 3TC

Luật Hành chính – Pháp luật phòng, chống tham nhũng là học phần chuyên ngành, cung cấp các kiến thức cơ bản nhất về hoạt động quản lý hành chính nhà nước và phòng chống tham nhũng.

Phần nội dung về Luật Hành chính bao gồm: Khái quát về quản lý nhà nước, các nguyên tắc, nội dung, hình thức quản lý nhà nước; quy phạm pháp luật hành chính và quan hệ pháp luật hành chính; chủ thể của Luật hành chính; quyết định hành chính và thủ tục hành chính; vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; phòng, chống tham nhũng và những biện pháp đảm bảo pháp chế trong quản lý nhà nước.

Ngoài ra, nội dung về Luật Hành chính còn cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành khác như: Luật Tố tụng hành chính; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Luật Đất đai, Luật Tài chính, Bộ luật Lao động; Luật Hôn nhân và Gia đình; Thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức.

Phần nội dung về Pháp luật phòng, chống tham nhũng cung cấp kiến thức về các quy định pháp luật và các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng. Bao gồm các khái niệm cơ bản về tham nhũng, các hành vi tham nhũng, các chủ thể có trách nhiệm phòng chống tham nhũng, các cơ chế kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, cũng như các quy định về xử lý kỷ luật, xử lý hành chính và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi tham nhũng.

32) Luật Dân sự - Những quy định chung: 2TC

Học phần Luật Dân sự - Những quy định chung là môn học bắt buộc tại tất cả các cơ sở đào tạo luật. Học phần giới thiệu cho người học các vấn đề chung của luật dân sự gồm hệ thống các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, về đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp luật dân sự; về chủ thể, khách thể, các căn cứ phát sinh, nội dung của các quan hệ pháp luật dân sự; về thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự cụ thể thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự; nghiên cứu các chế định tài sản (khái niệm, phân loại tài sản), giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, giao dịch dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu; chế định quyền sở hữu (nội dung quyền sở hữu; các hình thức sở hữu; căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu; bảo vệ quyền sở hữu và các quy định khác về quyền

sở hữu) và các quyền khác đối với tài sản.

Mục tiêu của Học phần nhằm giúp người học nắm vững kiến thức lý luận chung về luật dân sự và biết cách vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống pháp lý dân sự cụ thể; giải quyết được các vấn đề pháp lý dân sự có liên quan, sử dụng được cơ sở dữ liệu luật, cơ sở dữ liệu bản án, án lệ để sắp xếp các văn bản luật dân sự, các bản án, án lệ có liên quan phục vụ cho nội dung nghiên cứu luật dân sự; biết cách phân tích tình huống pháp lý dân sự, đưa ra phương hướng, giải pháp phù hợp với quy định pháp luật và biết cách phản biện ý kiến người khác, bảo vệ quan điểm bản thân trên tinh thần tiếp thu, học hỏi.

33) Luật Dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng: 3TC

Học phần Luật Dân sự - Nghĩa vụ và Hợp đồng thuộc khối kiến thức bắt buộc của chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về nghĩa vụ và hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm các nội dung: những quy định chung về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, các hợp đồng dân sự thông dụng; những kiến thức về các chế định gần như hợp đồng (như thực hiện công việc không có ủy quyền, chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật); các quy định cam kết đơn phương (như hứa thưởng, thi có giải). Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức về các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

34) Luật Thương mại 1 (Luật doanh nghiệp): 2TC

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: Quy chế pháp lý chung về đăng ký thành lập và tổ chức quản lý doanh nghiệp; Những đặc điểm trong thành lập, hoạt động và cơ chế tổ chức, quản lý hoạt động của các loại hình doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh khác đang có trong pháp luật Việt Nam; Pháp luật về phá sản đối với doanh nghiệp và hợp tác xã.

35) Luật Thương mại 2: 2TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cụ thể về các hoạt động thương mại như hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, khuyến mại, quảng cáo, đấu giá, đấu thầu, logistic, nhượng quyền thương mại... quyền và nghĩa vụ của thương nhân khi thực hiện các hoạt động thương mại này. Đồng thời trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại cũng như các biện pháp chế tài trong hoạt động thương mại để đảm bảo quyền lợi của các bên giao kết hợp đồng. Đây là những kiến thức nền tảng quan trọng để sinh viên có thể vận dụng tư vấn cho các chủ thể kinh doanh khi thực hiện các hoạt động thương mại hoặc khi xảy ra tranh chấp hợp đồng.

36) Luật Lao động: 3TC

Học phần Luật Lao động nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực này. Sinh viên sẽ được trang bị lý thuyết, kỹ năng thực hành và khả năng phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Học phần còn giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và năng lực vận dụng pháp luật vào giải quyết tình huống cụ thể.

37) Luật Hôn nhân và gia đình: 2TC

Học phần này trang bị kiến thức về các quy định pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh từ quan hệ hôn nhân, quan hệ gia đình và các quan hệ xã hội liên quan. Bao gồm các quy định về kết hôn, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, quan hệ giữa cha mẹ và con cái, cấp dưỡng, nuôi con nuôi, giám hộ, chấm dứt hôn nhân và giải quyết các tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

38) Luật Hình sự - Tội phạm học: 3TC

Học phần bao gồm 02 phần: Phần nội dung về Luật Hình sự và Phần nội dung về Tội phạm học

Phần nội dung về Luật hình sự cung cấp những kiến thức cơ bản về Phần chung của Luật hình sự Việt Nam bao gồm: Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc của luật hình sự; lịch sử luật hình sự Việt Nam; đạo luật hình sự; khái niệm tội phạm và phân loại tội phạm, lý luận về cấu thành tội phạm và các yếu tố cấu thành tội phạm; các giai đoạn phạm tội; đồng phạm; các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự; trách nhiệm hình sự và hình phạt; quyết định hình phạt; miễn, giảm hình phạt và xóa án tích; trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Phần các tội phạm của luật hình sự Việt Nam bao gồm: các tội xâm phạm quyền nhân thân của con người; các tội phạm xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính của nhà nước cũng như trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với từng nhóm tội phạm.

Phần về Tội phạm học nghiên cứu về tội phạm, người phạm tội, nạn nhân của tội phạm và tình hình tội phạm. Bao gồm các lý thuyết về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi phạm tội, các loại tội phạm, các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, cũng như các vấn đề liên quan đến chính sách hình sự và tư pháp hình sự.

39) Luật Tố tụng dân sự - Diễn án 1: 3TC

Luật tố tụng dân sự là môn học bắt buộc của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại Tòa án. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lý luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư

pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án.

Về Diễn án 1, học phần này tập trung vào việc mô phỏng và thực hành các tình huống pháp lý. Sinh viên sẽ có cơ hội tham gia vào các hoạt động như thực hành diễn án các vụ việc dân sự từ đó rèn luyện kỹ năng tranh tụng, thu thập và trình bày chứng cứ, áp dụng pháp luật và làm việc nhóm. Quá trình đánh giá học phần không chỉ tập trung vào kết quả thực hành mà còn bao gồm cả việc đánh giá quá trình chuẩn bị của sinh viên, chất lượng các tài liệu sinh viên soạn thảo và hoạt động của sinh viên tại các giờ diễn án.

40) Luật Tố tụng hình sự - Diễn án 2: 3TC

Học phần Luật Tố tụng hình sự nghiên cứu về trình tự và thủ tục giải quyết vụ án hình sự, hướng dẫn cho người học các công đoạn giải quyết một vụ án hình sự với trình tự, thủ tục thực hiện các hành vi tố tụng như bắt người, tạm giữ, tạm giam... như thế nào, thẩm quyền giải quyết của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ra sao theo quy định của Bộ luật TTHS. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề chung của Luật tố tụng hình sự, hệ thống chủ thể của quan hệ pháp luật TTHS: Cơ quan tiến hành tố tụng; Người tiến hành tố tụng; Người tham gia tố tụng; Biện pháp ngăn chặn trong TTHS; Chứng cứ và chứng minh trong TTHS; Trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Cấu trúc môn học gồm hai phần:

Phần 1: Những vấn đề chung của luật Tố tụng hình sự: Hướng dẫn người học nghiên cứu về những vấn đề cơ bản của luật TTHS như khái niệm, các nguyên tắc của luật TTHS, hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành và người tham gia tố tụng, những vấn đề chung về chứng cứ, về các biện pháp ngăn chặn.

Phần 2: Thủ tục giải quyết vụ án hình sự: Tập trung vào việc phân tích trình tự thủ tục giải quyết vụ án hình sự trong các giai đoạn tố tụng như khởi tố, điều tra, xét xử và thi hành án, giúp sinh viên hiểu được quá trình giải quyết vụ án được tiến hành như thế nào, thẩm quyền của người tiến hành tố tụng ở giới hạn nào. Nhờ vậy mà người học hiểu để hành động trong khuôn khổ của pháp luật, phát hiện những vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự

Về Diễn án 2, học phần này tập trung vào việc mô phỏng và thực hành các tình huống pháp lý. Sinh viên sẽ có cơ hội tham gia vào các hoạt động như thực hành diễn án các vụ án hình sự từ đó rèn luyện kỹ năng tranh tụng, thu thập và trình bày chứng cứ, áp dụng pháp luật và làm việc nhóm. Quá trình đánh giá học phần không chỉ tập trung vào kết

quả thực hành mà còn bao gồm cả việc đánh giá quá trình chuẩn bị của sinh viên, chất lượng các tài liệu sinh viên soạn thảo và hoạt động của sinh viên tại các giờ diễn án.

41) Luật Tố tụng hành chính - Diễn án 3: 3TC

Luật Tố tụng hành chính là học phần chuyên ngành bắt buộc trang bị cho sinh viên ngành Luật kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quá trình giải quyết khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân theo Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

Học phần cung cấp nội dung toàn diện từ lý luận cơ bản (khoa học luật tố tụng hành chính, nguyên tắc tố tụng, thẩm quyền xét xử) đến các quy định cụ thể về trình tự, thủ tục khởi kiện, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm, thi hành bản án.

Bên cạnh việc củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, học phần còn rèn luyện kỹ năng hành nghề như soạn thảo văn bản tố tụng, xử lý tình huống pháp lý và phân tích chứng cứ. Đồng thời, học phần góp phần hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng pháp quyền và phát triển năng lực tự học, tự cập nhật trong thực tiễn hành nghề luật liên quan đến lĩnh vực hành chính – tư pháp.

Về Diễn án 3, sinh viên sẽ có cơ hội tham gia vào các hoạt động như thực hành diễn án các vụ án hành chính qua đó thực hành các kiến thức về Tố tụng hành chính đã được tìm hiểu. Quá trình đánh giá học phần không chỉ tập trung vào kết quả thực hành mà còn bao gồm cả việc đánh giá quá trình chuẩn bị của sinh viên, chất lượng các tài liệu sinh viên soạn thảo và hoạt động của sinh viên tại các giờ diễn án.

42) Luật Sở hữu trí tuệ - Pháp luật về trí tuệ nhân tạo: 3TC

Học phần Luật Sở hữu trí tuệ – Pháp luật về trí tuệ nhân tạo trang bị cho người học kiến thức nền tảng và chuyên sâu về hệ thống pháp luật điều chỉnh quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) tại Việt Nam và quốc tế, bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng. Học phần đồng thời cập nhật các nội dung hiện đại liên quan đến trí tuệ nhân tạo, với trọng tâm là các vấn đề pháp lý phát sinh từ việc AI tham gia vào hoạt động sáng tạo và đổi mới công nghệ.

Người học sẽ được tìm hiểu về điều kiện bảo hộ, nội dung quyền, giới hạn và thời hạn bảo hộ đối với các đối tượng SHTT; cách thức xác lập và chuyển giao quyền; cũng như các hành vi xâm phạm và biện pháp xử lý theo quy định pháp luật. Nội dung học phần cũng lồng ghép các tình huống thực tiễn liên quan đến sáng chế do AI tạo ra, tác phẩm do AI hỗ trợ sáng tạo, và thách thức pháp lý trong xác lập và bảo vệ quyền SHTT đối với sản phẩm của AI. Thông qua học phần, người học sẽ hình thành tư duy pháp lý phân biện và chủ động thích ứng với các xu hướng pháp luật mới trong thời đại chuyển đổi số.

43) Luật Đất đai: 2TC

Học phần Luật Đất đai nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực này. Sinh viên sẽ được trang bị lý thuyết, kỹ năng thực hành và

khả năng phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Học phần còn giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và năng lực vận dụng pháp luật vào giải quyết tình huống cụ thể.

44) Luật Tài chính: 3TC

Học phần này cung cấp kiến thức về các quy định pháp luật điều chỉnh các hoạt động thu chi ngân sách nhà nước, quản lý thuế, tín dụng, đầu tư công và các lĩnh vực tài chính khác. Bao gồm các nguyên tắc cơ bản của Luật Tài chính, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tài chính nhà nước, quy trình lập, chấp hành và quyết toán ngân sách, các công cụ và chính sách tài chính, cũng như các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động tài chính công và tài chính tư.

45) Công pháp quốc tế - Pháp luật Asean: 3TC

Học phần này cung cấp kiến thức về các nguyên tắc và quy phạm pháp luật quốc tế điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia và các chủ thể khác của luật quốc tế. Bao gồm các chủ đề như nguồn của Công pháp quốc tế, chủ thể của luật quốc tế, quyền và nghĩa vụ cơ bản của quốc gia, luật điều ước quốc tế, luật biển, luật ngoại giao, luật quốc tế về quyền con người, cũng như các quy định pháp luật của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

46) Tư pháp quốc tế: 2TC

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: Lý luận cơ bản về tư pháp quốc tế với tư cách là một bộ môn khoa học pháp lý và một lĩnh vực pháp luật đặc thù trong hệ thống Pháp luật quốc gia; Vấn đề xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài; nguyên tắc cũng như các quy định thực định của Pháp luật Việt Nam về giải quyết xung đột pháp luật trong các lĩnh vực: năng lực pháp luật của cá nhân, pháp nhân; sở hữu; hợp đồng; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thừa kế; hôn nhân và gia đình; lao động; Nguyên tắc và các quy định thực chất của Pháp luật Việt Nam điều chỉnh trực tiếp các quan hệ có tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài.

47) Xây dựng văn bản pháp luật: 3TC

Học phần Xây dựng văn bản pháp luật nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực này. Sinh viên sẽ được trang bị lý thuyết, kỹ năng thực hành và khả năng phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Học phần còn giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và năng lực vận dụng pháp luật vào giải quyết tình huống cụ thể.

48) THỰC TẬP CUỐI KHOÁ: 4TC

Thực tập cuối khoá là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ bậc đại học ngành Luật Kinh tế. Học phần này giúp người học: (i) tham gia vào hoạt động thực tế của ngành, chuyên ngành nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp, phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai; (ii) vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc quan sát, mô

tả hoạt động của đơn vị thực tập; (iii) kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả làm việc của mình dưới hình thức một bản Báo cáo thực tập tốt nghiệp.

Học phần nhằm giúp người học: Hiểu và mô tả được những đặc trưng, cơ cấu tổ chức quản lý, chức năng và nhiệm vụ các bộ phận trong đơn vị thực tập; Mô tả được (những) quy trình nghiệp vụ cụ thể/quy trình pháp lý hoặc quản lý nhà nước trong lĩnh vực tư pháp tại đơn vị thực tập; Biết, hiểu và vận dụng được những kỹ năng làm việc, kỹ năng chuyên môn tại một bộ phận nghiệp vụ phù hợp ngành, chuyên ngành đào tạo; Tổng hợp và trình bày được kết quả hoạt động/hiệu quả hoạt động của đơn vị trong thời gian gần nhất; Phát triển khả năng kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu thực tế.

49) Pháp luật về các tổ chức tín dụng: 2TC

Học phần Pháp luật về các tổ chức tín dụng giúp người học nắm bắt được những kiến thức lý luận về lĩnh vực ngân hàng, các quy định quản lý nhà nước về tiền tệ, địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, địa vị pháp lý và việc quản trị của các tổ chức tín dụng; các hoạt động huy động vốn, cho vay của ngân hàng v.v... giúp người học nhận diện được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng; nắm được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh trong lĩnh vực ngân hàng; hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong lĩnh vực pháp luật ngân hàng; các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học luật ngân hàng; cách thức quản lý và hệ thống văn bản điều chỉnh hoạt động ngân hàng. Trên cơ sở các kiến thức được lĩnh hội, người học vận dụng để giải quyết các công việc như phụ trách công tác pháp chế tại các tổ chức tín dụng, tư vấn pháp lý đối với các hoạt động liên quan đến lĩnh vực ngân hàng, thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động ngân hàng theo đúng quy định pháp luật.

50) Luật đầu tư và cạnh tranh: 2TC

Học phần Luật đầu tư và cạnh tranh nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực này. Sinh viên sẽ được trang bị lý thuyết, kỹ năng thực hành và khả năng phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Học phần còn giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và năng lực vận dụng pháp luật vào giải quyết tình huống cụ thể.

51) Luật Kinh doanh bất động sản: 2TC

Học phần Luật Kinh doanh bất động sản nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực này. Sinh viên sẽ được trang bị lý thuyết, kỹ năng thực hành và khả năng phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Học phần còn giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và năng lực vận dụng pháp luật vào giải quyết tình huống cụ thể.

52) Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán: 2TC

Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành

hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh chứng khoán và quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán. Nội dung môn học gồm các vấn đề chính: Những vấn đề cơ bản về luật chứng khoán; Pháp luật về chào bán chứng khoán; Pháp luật về tổ chức thị trường chứng khoán; Pháp luật về chủ thể kinh doanh chứng khoán; Pháp luật về kinh doanh chứng khoán; Pháp luật về công ty đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư chứng khoán; Pháp luật về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán; Pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán.

53) Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu: 2TC

Học phần Pháp luật về Hải quan và Xuất nhập khẩu là môn học tự chọn thuộc chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế. Cấu trúc của môn học gồm hai phần: Pháp luật về Hải quan và Pháp luật về Xuất nhập khẩu.

Phần Pháp luật về hải quan đề cập đến những vấn đề xoay quanh các quy định của pháp luật Việt Nam về hải quan, thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, pháp luật hải quan về thuế xuất nhập khẩu và điều tra chống buôn lậu và gian lận thương mại; giúp người học nắm được các quy định của pháp luật Việt Nam về nghiệp vụ Hải quan cùng những thay đổi trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau; trang bị kỹ năng và tư duy pháp lý để người học biết cách vận dụng các quy định của luật pháp về hải quan trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

Phần Pháp luật về Xuất nhập khẩu cung cấp cho người học phương pháp tiếp cận nhằm nhận diện, xử lý thông tin về các quy định pháp luật trong lĩnh vực xuất nhập khẩu; từ đó có thể phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề, và ra quyết định đúng đắn và hiệu quả với những tình huống nghiên cứu hoặc thực tế phát sinh có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.

54) Luật Môi trường: 2TC

Học phần này trang bị kiến thức về các quy định pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bao gồm các nguyên tắc cơ bản của Luật Môi trường, các quy định về quản lý và sử dụng các thành phần môi trường, các quy định về đánh giá tác động môi trường, các quy định về phòng ngừa và xử lý ô nhiễm, suy thoái môi trường, cũng như các quy định về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

55) Luật Kinh doanh bảo hiểm: 2TC

Học phần Luật Kinh doanh bảo hiểm nhằm trang bị cho sinh viên các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, thực thi các quy định về quan hệ kinh doanh bảo hiểm. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: các nguyên tắc cơ bản trong bảo hiểm, các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quan hệ hợp đồng bảo hiểm, kinh doanh bảo hiểm trong một số lĩnh vực cụ thể, quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm v.v... giúp người học nắm được những kiến thức cơ

bản của pháp luật kinh doanh bảo hiểm như: đối tượng và phương pháp điều chỉnh, nguồn luật điều chỉnh, các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quy trình của giao dịch kinh doanh bảo hiểm, các vấn đề về khiếu nại công ty bảo hiểm; các nguyên tắc pháp lý cơ bản của kinh doanh bảo hiểm như: nguyên tắc quyền lợi được bảo hiểm, nguyên tắc trung thực tuyệt đối, nguyên nhân gây ra tổn thất, nguyên tắc bồi thường, nguyên tắc thế quyền, nguyên tắc bảo hiểm trùng và đóng góp bồi thường; các quy định pháp lý về hợp đồng bảo hiểm như: giao kết hợp đồng, hiệu lực của hợp đồng, thực hiện hợp đồng, nghĩa vụ của các bên khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, tạm ngừng và hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm; các quy định pháp lý về một số loại hình bảo hiểm cụ thể như: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm hàng hóa trong quá trình vận chuyển.

56) Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp: 2TC

Học phần Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực này. Sinh viên sẽ được trang bị lý thuyết, kỹ năng thực hành và khả năng phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Học phần còn giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và năng lực vận dụng pháp luật vào giải quyết tình huống cụ thể.

57) Kỹ năng tư vấn pháp luật: 2TC

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về hoạt động tư vấn pháp luật; quy trình tư vấn pháp luật; kỹ năng tiếp xúc khách hàng, tìm hiểu yêu cầu tư vấn và ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tìm kiếm, khai thác, thu thập thông tin, phân tích, đánh giá vụ việc trong hoạt động tư vấn; kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng dịch vụ pháp lý; kỹ năng tư vấn pháp luật bằng lời nói và bằng văn bản; kỹ năng đại diện ngoài tổ tụng cho khách hàng.

58) KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP: 6TC

Học phần khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế là môn học tổ chức vào học kỳ cuối sau khi người học đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương và những kiến thức chuyên sâu về ngành, chuyên ngành và các kiến thức bổ trợ khác. Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế nhằm mục đích giúp người học phát triển ý tưởng nghiên cứu, kỹ năng nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; giúp người học tiếp cận được khối lượng kiến thức lý thuyết đã học dưới góc nhìn thực tiễn, người học có thể hệ thống lại kiến thức đã học, vận dụng vào công trình nghiên cứu cụ thể, giúp họ hình thành và hoàn thiện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tổ chức công việc; có thái độ làm việc chuyên nghiệp, nghiêm túc, liêm chính khoa học, biết tôn trọng giá trị khoa học của những kiến thức pháp luật; có thái độ tôn trọng pháp luật và giáo dục, hướng dẫn người khác tôn trọng pháp luật.

59) Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế: 2TC

Học phần Pháp luật về Trọng tài thương mại quốc tế là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế. Trọng tài thương mại quốc tế là phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ các quan hệ Tư pháp quốc tế, nhất là các quan hệ thương mại quốc tế mà pháp luật cho phép giải quyết được bằng trọng tài. Theo phương thức này, các bên nhất trí thỏa thuận với nhau là sẽ đưa vụ tranh chấp ra giải quyết tại một cơ quan trọng tài nhất định nào đó.

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về khái niệm trọng tài thương mại quốc tế theo Luật mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế ngày 21/6/1985 của UNCITRAL, vai trò của trọng tài thương mại quốc tế, các loại trọng tài thương mại quốc tế, thẩm quyền, chức năng, nguyên tắc và cơ chế pháp lý giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại quốc tế; các tiêu chuẩn về trọng tài viên, quyền, nghĩa vụ của trọng tài viên; khả năng công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài thương mại quốc tế.

60) Pháp luật về giao dịch bảo đảm: 2TC

Pháp luật về giao dịch bảo đảm là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh tế của Trường ĐH Tài chính Ngân hàng Hà Nội. Giao dịch bảo đảm là giao dịch được xác lập với mục đích bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Pháp luật Việt Nam hiện hành đã quy định chín biện pháp bảo đảm nghĩa vụ bao gồm cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, bảo lãnh, đặt cọc, ký cược, ký quỹ, tín chấp, bảo lưu quyền sở hữu, cầm giữ tài sản. Bên cạnh đó, pháp luật về giao dịch bảo đảm cũng quy định về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm.

Học phần Pháp luật về giao dịch bảo đảm trang bị cho người học các nội dung kiến thức cơ bản sau: (i) Những quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (ii) Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (iii) Pháp luật về hợp đồng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (iv) Pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm; (v) Pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm.

61) Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại: 2TC

Học phần này sẽ giới thiệu hai nội dung chính là Kỹ năng đàm phán hợp đồng và Kỹ năng soạn thảo hợp đồng thương mại.

Trong phần Kỹ năng đàm phán hợp đồng, môn học sẽ giúp người học có được kiến thức tổng thể về hoạt động đàm phán, từ vấn đề khái niệm đàm phán, các cách thức đàm phán, các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán, diễn biến của cuộc đàm phán, những điều nên và không nên trong cuộc đàm phán và cách kết thúc của một cuộc đàm phán sao cho có hiệu quả và chuyên nghiệp nhất.

Phần Kỹ năng soạn thảo hợp đồng thương mại sẽ giúp người học nắm được các kỹ năng khi soạn thảo một hợp đồng. Người học sẽ được giới thiệu tổng quát về khái niệm hợp đồng, nguyên tắc soạn thảo, các hình thức của hợp đồng, các bước trong quá trình soạn thảo hợp đồng. Tùy thuộc vào từng loại hợp đồng khác nhau người học sẽ được giới thiệu cách đặt tên cho hợp đồng, các điều khoản cơ bản cần có của một hợp đồng cụ thể, nhận

diện được quyền và nghĩa vụ của các bên trong một hợp đồng cụ thể và cách thức trình bày các điều khoản đó. Bên cạnh đó, người học sẽ nắm được những điều cần lưu ý khi soạn thảo một hợp đồng thương mại phổ biến. Thêm vào đó, người học sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn để rèn luyện kỹ năng soạn thảo những điều khoản của một số loại hợp đồng thông dụng trong kinh doanh thương mại.

3.8. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

3.8.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
1	Diện tích xây dựng	m ²	109.562
2	Diện tích mặt bằng sử dụng	m ²	6.200
3	Phòng làm việc	Phòng	20
4	Phòng học	Phòng	53
5	Bàn ghế sinh viên	Bộ	2066
6	Máy chiếu	Máy	56
7	Thư viện	Phòng	02
8	Phòng máy	Phòng	02
9	Phòng luyện âm	Phòng	01
10	Sân bóng đá	Sân	02
11	Máy tính để bàn	Bộ	44
12	Máy in	Máy	35
13	Máy scan	Máy	2
14	Máy photocopy	Máy	3
15	Điều hoà không khí	Máy	88
16	Thang máy	Cái	02
17	Hệ thống hút mùi	Máy	16

b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thực hành, thảo luận

Số TT	Loại giảng đường	Số lượng	Diện tích (m²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy
--------------	-------------------------	-----------------	----------------------------------	---

	<i>(Giảng đường, phòng máy tính thực hành)</i>			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần /môn học
1	Giảng đường nhỏ	18	70 m2/ phòng	Máy chiếu Phông chiếu Loa Đài Điều hòa	18 18 18 18 36	Lý thuyết, Thảo luận
2	Giảng đường lớn	09	100 m2/ phòng	Máy chiếu Loa Đài Điều hòa Camera	09 09 09 18 09	Lý thuyết, Thảo luận
3	Phòng máy tính	01	100 m2/ phòng	Máy tính kết nối LAN và Internet Máy chiếu Loa Đài Điều hòa	65 01 01 01 02	Thực hành
4	Phòng học ngoại ngữ multimedia	01	70m2/ phòng	Máy tính kết nối LAN và Internet Máy chiếu Loa Đài Điều hòa	30 1 1 1 1	Thực hành
5	Phòng Diễn án	01	70m2/ phòng	Internet Máy chiếu Phông chiếu Loa Mic Điều hòa	 1 1 1 1 1	Thực hành, Ngoại khoá

c. Thông tin Thư viện

- Diện tích thư viện: 200 m²; Diện tích phòng đọc: 100 m²
- Số chỗ ngồi: 50; Số lượng máy tính: 05.
- Phần mềm quản lý thư viện: KOHA.

d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Luật Kinh tế

STT	Học phần	Tài liệu học tập chính
1.	Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và đào tạo, <i>Giáo trình Triết học Mác – Lênin</i> , NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và đào tạo, <i>Kinh tế chính trị Mác – Lênin</i> , NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và đào tạo, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo - <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh - (dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị)</i> - Nxb Chính trị quốc gia sự thật năm 2021
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo - <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị)</i> - Nxb Chính trị quốc gia sự thật, 2021
6.	Tin học 1	Phùng Văn Ôn, Vũ Minh Tâm, Bùi Văn Công, Bùi Thị Thu Hiền, <i>Giáo trình Tin học đại cương</i> , NXB Thống kê, 2019
7.	Tin học 2	Phùng Văn Ôn, Vũ Minh Tâm, Bùi Văn Công, Bùi Thị Thu Hiền, <i>Giáo trình Tin học đại cương</i> , NXB Thống kê, 2019
8.	Tiếng Anh 1 (English 1)	[1] . Clive Oxenden, Christina Latham- Koenig, Paul Selison, New English File, Elementary Student’s book, Oxford University Press (2007); "[2] Clive Oxenden, Christina Latham- Koenig, Paul Selison, New English File, Elementary Workbook, Oxford University Press (2007) [3], Self-study Material for Non-Major Students - English 01 (Tài liệu Khoa Ngoại ngữ biên soạn)."
9.	Tiếng Anh 2 (English 2)	[1], Clive Oxenden, Christina Latham- Koenig, Paul Selison, New English File, Pre- Intermediate Student’s book, Oxford University Press (2007);

		<p>[2].Clive Oxenden, Christina Latham- Koenig, Paul Selison, New English File, Pre- Intermediate Workbook, Oxford University Press (2007)</p> <p>[3]. Self-study Material for Non-Major Students - English 02 (Tài liệu Khoa Ngoại ngữ biên soạn).</p>
10.	Tiếng Anh 3	<p>[1]. Clive Oxenden, Christina Latham- Koenig, Paul Selison, New English File, Pre- Intermediate Student's book, Oxford University Press (2007);</p> <p>[2].Clive Oxenden, Christina Latham- Koenig, Paul Selison, New English File, Pre- Intermediate Workbook, Oxford University Press (2007)</p> <p>[3]. Self-study Material for Non-Major Students - English 03 (Tài liệu Khoa Ngoại ngữ biên soạn).</p>
11.	Tiếng Anh chuyên ngành 1	<p>[1] Clark, R., & Baker, D. (2011). <i>Oxford English for Careers: Finance 1: Student's Book</i>. Oxford University Press.</p> <p>[2] Tài liệu tự học học phần Tiếng Anh 4 (English 4 Self-study); Khoa Ngoại ngữ biên soạn, 2019</p> <p>[3] Bethell, G., & Aspinall, T. (2003). Test your business vocabulary in use. <i>Cambridge University Press</i>.</p> <p>[4] Taylor, A. (2006). <i>Target TOEIC: Upgrading TOEIC test-taking skills</i>.</p>
12.	Tiếng Anh chuyên ngành 2	<p>[1] Richard Clark and David Baker (2011). <i>English for career: Finance 1</i>. Oxford University Press.</p> <p>[2] Khoa Ngoại ngữ biên soạn, (2019). <i>Tài liệu tự học học phần Tiếng Anh 5 (English 5 Self-study)</i>. Tài liệu lưu hành nội bộ.</p> <p>[3] Anne Taylor (2006). <i>Target TOEIC (Second edition)</i>. Compass Publishing</p> <p>[4] Tricia Aspinall & George Bethell, (2003). <i>Test your business vocabulary in use Intermediate</i>. Cambridge</p>
13.	<i>Giáo dục thể chất 1,2,3 (Physical Education)</i>	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội, Tập Bài giảng “ <i>Lý thuyết chung về Giáo dục thể chất</i> ”
14.	Đường lối quân sự của Đảng CS Việt Nam	Bộ Giáo dục và đào tạo, <i>Giáo trình Quốc phòng – an ninh (tập 1&2)</i> , NXB Giáo dục, 2012

	Công tác quốc phòng, quân sự - an ninh	Bộ Giáo dục và đào tạo, <i>Giáo trình Quốc phòng – an ninh (tập 1&2)</i> , NXB Giáo dục, 2012
	Quân sự chung và Kỹ chiến thuật bộ binh	Bộ Giáo dục và đào tạo, <i>Giáo trình Quốc phòng – an ninh (tập 1&2)</i> , NXB Giáo dục, 2012
15.	Logic học	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Logic học</i> , NXB Công an nhân dân, 2016
16.	Tâm lý học đại cương	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i> , NXB Công an nhân dân, 2019
17.	Xã hội học pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Xã hội học pháp luật</i> , NXB Công an nhân dân, 2022
18.	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	Vũ Cao Đàm, <i>Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , NXB Giáo dục Việt Nam, 2015
19.	Lý luận Nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật</i> , Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2022
20.	Học thuyết chính trị - pháp lý	Cao Minh Công, Nguyễn Thị Hồi, <i>Giáo trình Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý</i> , Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2015 Nguyễn Đăng Dung, Lê Thị Thanh Lai, <i>Giáo trình lịch sử các học thuyết chính trị</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020
21.	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	1. Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam</i> , Nxb. CAND, Hà Nội, 2017 (hoặc 2021). 2. Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới</i> , Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2012.
22.	Nghề luật và đạo đức nghề luật	1. Nguyễn Văn Tuân, <i>Dịch vụ pháp lý ở Việt Nam - Thực trạng và Định hướng phát triển</i> , NXB Lao động, 2019 2. Học viện Tư pháp, <i>Đạo đức nghề Luật – Học viện Tư pháp và Dự án phát triển Tư pháp và sự tham gia từ cơ sở</i> , NXB Tư pháp, Hà Nội, 2017 3. Nguyễn Bá Bình, <i>Nghề luật, những suy nghĩ</i> , Nxb Tư pháp, 2007
23.	Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	Lê Thị Hồng Vân (chủ biên) (2013), <i>Giáo trình Kỹ năng nghiên cứu và lập luận</i> ; Trường Đại học Luật TP. HCM; NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.

24.	Kinh tế vi mô	Nguyễn Văn Dân, <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i> , NXB Tài chính, 2011
25.	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội, <i>Giáo trình Lý thuyết Tài chính – tiền tệ</i> , NXB thống kê, 2013
26.	Nguyên lý kế toán	Học viện Tài chính, <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i> , NXB Tài chính, 2009
27.	Quản trị học	PGS.TS Đoàn Thị Thu Hà, PGS.TS Nguyễn Thị Ngọc Huyền, <i>Giáo trình Quản trị học</i> , NXB Tài chính, 2011
28.	Luật Hiến pháp – Pháp luật về Quyền con người	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam</i> , Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2022
29.	Luật Hành chính - Pháp luật Phòng, Chống tham nhũng	1. Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật hành chính Việt Nam</i> , NXB Công an nhân dân, 2021 2. GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, GS.TS. Phạm Hồng Thái, PGS.TS. Chu Hồng Thanh, PGS.TS. Vũ Công Giao (Đồng chủ biên), Đại học Quốc gia Hà Nội (2013), <i>Giáo trình Lý luận và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
30.	Luật Dân sự - Những quy định chung	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 1</i> , NXB Công an nhân dân, 2022
31.	Luật Dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 2</i> , NXB Công an nhân dân, 2022
32.	Luật Thương mại 1	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam – tập 1</i> , NXB Công an nhân dân, 2020
33.	Pháp luật lao động	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật Lao động Việt Nam</i> , NXB Công an nhân dân, 2021
34.	Luật Thương mại 2	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam – tập 2</i> , NXB Công an nhân dân, 2020
35.	Luật Hình sự	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam</i> , NXB Công an nhân dân, 2022
36.	Luật Tố tụng dân sự - Diễn án 1	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam</i> , NXB Công an nhân dân, 2021
37.	Pháp luật đất đai	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật đất đai</i> , NXB Công an nhân dân, 2021
38.	Pháp luật đầu tư và Cạnh tranh	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật đầu tư</i> , NXB Công an nhân dân, 2022

		Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật cạnh tranh</i> , NXB Công an nhân dân, 2020
39.	Luật Sở hữu trí tuệ	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ</i> , NXB Công an nhân dân, 2021
40.	Luật Tố tụng hình sự - Diễn án 2	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam</i> , NXB Công an nhân dân, 2022
41.	Tư pháp quốc tế	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Tư pháp quốc tế</i> , NXB Công an nhân dân, 2022
42.	Luật Hôn nhân và Gia đình	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình luật HN&GD Việt Nam</i> , Nxb. Tư pháp, 2021
43.	Công pháp quốc tế - Pháp luật Asean	1. Trường Đại học Luật Hà Nội, (2019), <i>Giáo trình Luật quốc tế</i> , NXB Công an nhân dân, Hà Nội; 2. Trường Đại học Luật Hà Nội, (2019), <i>Giáo trình Pháp luật cộng đồng ASEAN</i> , NXB Công an nhân dân, Hà Nội;
44.	Luật Môi trường	Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), <i>Giáo trình Luật môi trường</i> , NXB Công an nhân dân
45.	Luật tố tụng hành chính – Diễn án 3	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật tố tụng hành chính Việt Nam</i> , NXB Công an nhân dân, 2022
46.	Luật Tài chính	1. Trường Đại học Luật Hà Nội, (2021), <i>Giáo trình Luật ngân sách nhà nước</i> , NXB Công an nhân dân, Hà Nội; 2. Trường Đại học Luật Hà Nội, (2021), <i>Giáo trình Luật Thuế Việt Nam</i> , NXB Công an nhân dân, Hà Nội
47.	Pháp luật về các tổ chức tín dụng	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật Ngân hàng Việt Nam</i> , NXB Công an nhân dân, 2021
48.	Luật Kinh doanh bảo hiểm	Bùi Thị Hằng Nga, Bạch Thị Nhã Nam, <i>Pháp luật kinh doanh bảo hiểm - Lý luận và thực tiễn</i> , Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, 2018
49.	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, <i>Giáo trình Thuế và Thủ tục Hải Quan</i> , NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2022
50.	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật chứng khoán</i> , NXB Công an nhân dân, 2021
51.	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình luật dân sự Việt Nam (tập 1&2)</i> , Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2022

52.	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, <i>Giáo trình Pháp luật trọng tài thương mại</i> , NXB Hồng Đức, 2021
53.	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Một số hợp đồng đặc thù trong hoạt động thương mại và kỹ năng đàm phán, soạn thảo</i> , Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2012
54.	Xây dựng văn bản pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật</i> , NXB Công an nhân dân, 2018
55.	Kỹ năng làm việc nhóm	Tập bài giảng <i>Kỹ năng làm việc nhóm</i>
56.	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử và thuyết trình trong nghề luật	1. Học viện Tư pháp, <i>Giáo trình Kỹ năng mềm trong nghề luật</i> , Nxb Tư pháp, 2020 2. Phùng Trung Tập, <i>Khẩu khí và thuật học hùng biện trong nghề luật</i> , Nxb Tư pháp
57.	Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	Lê Thanh Sơn, <i>Giáo trình kỹ năng lập luận và tranh luận</i> , NXB Đại học Huế, 2020.
58.	Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp	Lê Văn Dũng, Nguyễn Như Quỳnh, <i>Pháp chế doanh nghiệp – Những kỹ năng cơ bản</i> , NXB Thanh Niên 2021
59.	Kỹ năng tư vấn pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật</i> , NXB Công an nhân dân, 2022

3.8.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình¹

Bảng 8.1. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy ngành Luật Kinh tế

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác	Học phần tham gia giảng dạy
1	Nguyễn Hoàng Minh	PGS. Tiến sĩ	Luật hình sự	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Luật Hình sự - Tội phạm học 2. Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý 3. Luật Môi trường
2	Nguyễn Thị Hồi	PGS. Tiến sĩ	Lý luận và Lịch sử nhà nước và	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật 2. Một số học thuyết chính trị - pháp lý

¹ Liệt kê các GV dự kiến tham gia giảng dạy các học phần thuộc CTĐT

			pháp luật		3. Lịch sử nhà nước và pháp luật
3	Trương Hồng Hải	Tiến sĩ	Luật kinh tế	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý 2. Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật
4	Nguyễn Văn Điệp	Tiến sĩ	Luật hình sự	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Luật tố tụng hình sự 2. Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật 3. Nghề Luật và Đạo đức nghề Luật
5	Phạm Minh Chiêu	Tiến sĩ	Luật học	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Luật hình sự 2. Luật tố tụng hình sự 3. Xã hội học pháp luật
6	Lại Thị Phương Thảo	Tiến sĩ	Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật 2. Một số học thuyết chính trị - pháp lý 3. Lịch sử nhà nước và pháp luật 4. Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý
7	Đào Mạnh Hoàn	Tiến sĩ	Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Luật hành chính – Pháp luật Phòng chống tham nhũng 2. Luật hiến pháp 3. Luật tố tụng hành chính
8	Lê Văn Hạnh	Tiến sĩ	Luật hành chính	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Luật hành chính – Pháp luật Phòng chống tham nhũng 2. Luật hiến pháp 3. Luật tố tụng hành chính
9	Nguyễn Thị Thu Vân	Tiến sĩ	Luật tư	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Luật dân sự - Phân chung 2. Luật dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng 3. Pháp luật về giao dịch bảo đảm

					4. Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng
10	Nguyễn Thị Thu Hương	Thạc sĩ	Luật hành chính – Hiến pháp	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Pháp luật đầu tư và cạnh tranh 2. Luật tố tụng dân sự 3. Luật thương mại 1
11	Vũ Thị Toán	Thạc sĩ	Luật học	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Luật thương mại 2 2. Pháp luật lao động 3. Luật đất đai 5. Pháp luật kinh doanh bất động sản
12	Chu Thu Hiền	Thạc sĩ	Luật học	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Pháp luật lao động 2. Xây dựng văn bản pháp luật
13	Nguyễn Thị Diễm	Thạc sĩ	Luật dân sự và Tố tụng dân sự	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Luật dân sự - Phần chung 2. Luật dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng 3. Pháp luật về giao dịch bảo đảm
14	Vũ Diệu Quỳnh	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Luật thương mại 1 2. Luật thương mại 2 3. Luật Hôn nhân và Gia đình
15	Đỗ Quốc Quyền	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Luật tài chính 2. Kỹ năng tư vấn pháp luật 3. Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại 4. Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp
16	Nguyễn Đình Hợi	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin
17	Nguyễn Văn	Tiến sĩ	Triết học	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng	1. Triết học Mác – Lênin 2. Kinh tế chính trị Mác –

	Sanh			HN	Lênin 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
18	Phạm Đình Hoè	Tiến sĩ	Khoa học xã hội và nhân văn	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh
19	Lê Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ	Khoa học xã hội và nhân văn	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh
20	Nguyễn Thị Nguyên	Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Kỹ năng làm việc nhóm
21	Đông Thị Huyền Trang	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng HN	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3
22	Lê Thị Yến	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng HN	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3
23	Phạm Hồng Phụng	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng HN	1. Tiếng Anh 4 2. Tiếng Anh 5
24	Nguyễn Thị Liên	PGS.TS	Tài chính	Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng HN	1. Luật Tài chính 2. Lý thuyết tài chính tiền tệ
25	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS	Tài chính	Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng HN	1. Luật Tài chính 2. Lý thuyết tài chính tiền tệ
26	Hoàng Văn Tường	Tiến sĩ	Kiểm toán	Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng HN	Nguyên lý kế toán
27	Võ Thị Đào	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội	Quản trị học

Bảng 8.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy ngành Luật Kinh tế

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác	Học phần tham gia giảng dạy
1.	Phạm Văn Thiên	Thạc sĩ	Luật học	Học viện phụ nữ	1. Lý luận nhà nước và pháp luật 2. Lịch sử nhà nước và pháp luật 3. Luật hình sự
2.	Lưu Thị Tuyết	Tiến sĩ	Luật kinh tế	Học viện Chính sách và Phát triển	1. Luật doanh nghiệp 2. Luật thương mại
3.	Nguyễn Thị Khánh	Thạc sĩ	Luật quốc tế	Đại học Kiểm sát Hà Nội	1. Luật thương mại 2. Tư pháp quốc tế 3. Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế
4.	Lê Thị Thắm	Thạc sĩ	Luật quốc tế	Đại học kiểm sát Hà Nội	1. Tư pháp quốc tế 2. Công pháp quốc tế - Pháp luật Asean 3. Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế
5.	Phạm Thị Hồng Nhung	Tiến sĩ	Luật kinh tế	Học viện Tài chính	1. Luật Tài chính 2. Pháp luật về các tổ chức tín dụng 3. Luật kinh doanh bảo hiểm
6.	Phạm Thị Hồng Nghĩa	Tiến sĩ	Luật hành chính	Học viện An ninh nhân dân	Pháp luật về các tổ chức tín dụng
7.	Hà Thị Hoa Phượng	Tiến sĩ	Luật Kinh tế	Trường ĐH Luật Hà Nội	Luật lao động
8.	Hoàng Lan Phương	Tiến sĩ	Luật	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn	Luật sở hữu trí tuệ - Pháp luật về Trí tuệ nhân tạo
9.	Trần Anh Tuấn	Thạc sĩ	Luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	1. Luật Tài chính 2. Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu
10.	Nguyễn Thị	Thạc sĩ	Tâm lý	Học viện Phụ nữ Việt Nam	1. Kỹ năng làm việc nhóm 2. Kỹ năng giao tiếp ứng

	Phụng				xử, thuyết trình trong nghề luật
--	-------	--	--	--	----------------------------------

3.9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ban hành theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ; Quy định thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần trong tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành theo các quyết định số 610/QĐ-ĐHTNH ngày 16/12/2024 và quyết định số 108/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

Chương trình này được định kỳ xem xét, hiệu chỉnh 2 năm/lần nhằm đáp ứng sự phát triển của chuyên ngành, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

3.10. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo

* *Đối sánh với các Chương trình đào tạo trước*

Trước khi ban hành Chương trình đào tạo năm 2025, Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế đã có phiên bản năm 2022

So với mục tiêu 2022, mục tiêu 2025 mở rộng, nhấn mạnh đạo đức – chính trị – đổi mới – năng lực số – khởi nghiệp. Cụ thể:

Nội dung	CTĐT 2022	CTĐT 2025	Nhận xét
Tư tưởng cốt lõi	Đào tạo theo định hướng ứng dụng, có kiến thức pháp lý nền tảng và khả năng vận dụng trong thực tiễn.	Đào tạo theo định hướng ứng dụng, chú trọng toàn diện về phẩm chất chính trị, đạo đức, và năng lực nghề luật.	2025 nhấn mạnh yếu tố phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân, năng lực số và khả năng khởi nghiệp.
Yêu cầu chuyên môn	Nhấn mạnh kiến thức nền về pháp lý và pháp luật kinh tế, có năng lực nghiên cứu và hành nghề luật.	Kiến thức hệ thống, toàn diện; giải quyết vấn đề thực tiễn, tư duy sáng tạo, thích nghi với thay đổi.	2025 mở rộng phạm vi bao trùm cả bối cảnh xã hội, văn hóa, kinh tế.
Kỹ năng và đạo đức	Đạo đức nghề nghiệp, thượng tôn pháp luật, khả năng tự chủ và học tập suốt đời.	Trung thành với Tổ quốc, bảo vệ lợi ích quốc gia, đổi mới, liêm chính, khởi nghiệp.	2025 hướng tới phát triển năng lực công dân – chính trị – xã hội – nghề nghiệp toàn diện hơn.

Về chuẩn đầu ra, nội dung Chuẩn đầu ra 2025 được tổ chức lại cấu trúc, cập nhật lý luận, công nghệ, kỹ năng mềm và năng lực lãnh đạo. Cụ thể:

Nội dung	CTĐT 2022	CTĐT 2025	Nhận xét
a) Về kiến thức			
PLO 1.1	Kiến thức chính trị, kinh tế, quốc phòng, tâm lý, quản lý	Bổ sung văn hóa, truyền thống dân tộc, năng lực số	2025 cập nhật xu thế chuyển đổi số và tích hợp giá trị truyền thống
PLO 1.2	Kiến thức pháp luật cơ bản, luật hiến pháp, hành chính, hình sự, tố tụng, quốc tế	Bổ sung lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật, các học thuyết chính trị – pháp lý, quyền con người	2025 mở rộng và cập nhật nội dung lý luận – thực tiễn
PLO 1.3	Vận dụng pháp luật chuyên ngành luật kinh tế	Giữ nguyên định hướng ứng dụng trong kinh doanh – thương mại	Không thay đổi đáng kể nhưng nhấn mạnh năng lực thực hành
b) Về kỹ năng			
Tiếng Anh và công nghệ	Sử dụng tiếng Anh và CNTT thành thạo	Tiếng Anh bậc 3/6, năng lực số theo quy định	Cập nhật theo chuẩn kỹ năng số và khung NLNN quốc gia
Giao tiếp – Thuyết trình	Tách rời các kỹ năng mềm	Gộp chung thành PLO 2.2: giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm	Tổ chức lại nội dung logic hơn
Phân tích, phản biện, trình bày	Phân tán ở PLO 2.3, 2.4	Tích hợp trong PLO 2.3	Tăng tính ứng dụng trong giải quyết vấn đề
Soạn thảo và tư vấn pháp lý	Tách biệt nội dung	Gộp trong PLO 2.4	Cô đọng nội dung, giữ định hướng thực hành
Đánh giá, cải thiện pháp luật	PLO 2.3	PLO 2.5	Giữ nguyên nội dung, thay đổi cách diễn đạt
c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm			
Phẩm chất đạo đức – chính trị	Đạo đức nghề, kỷ luật, trách nhiệm	Trung thành, bảo vệ công lý, liêm chính, đổi mới	Đề cao vai trò công dân, tư tưởng chính trị

Làm việc độc lập – nhóm – giám sát	Làm việc độc lập, tự định hướng	Thêm kỹ năng lập kế hoạch, giám sát, tổ chức nhóm	Mở rộng năng lực lãnh đạo và tổ chức công việc
Khởi nghiệp – thích ứng – đổi mới	Tự học, học suốt đời	Khởi nghiệp, tạo việc làm, đổi mới sáng tạo	Bắt kịp yêu cầu mới của thị trường lao động

Về nội dung chương trình đào tạo

Thứ nhất, CTĐT 2025 có thay đổi về cấu trúc chương trình đào tạo

Tiêu chí	CTĐT 2022	CTĐT 2025	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	134	134	Không thay đổi tổng số tín chỉ
Cấu trúc chương trình	- GD đại cương - Kiến thức cơ sở khối ngành, ngành, chuyên ngành, bổ trợ - Thực tập & Khóa luận	- GD đại cương - Kiến thức cơ sở ngành & cốt lõi ngành (bao gồm Thực tập, Khóa luận hoặc HP thay thế)	Tên gọi và phân nhóm học phần được tinh gọn, sắp xếp phù hợp QĐ 678 về Chuẩn CTĐT ngành Luật

Thứ hai, về tỷ lệ các khối kiến thức:

Khối kiến thức	CTĐT 2022 (TC)	CTĐT 2025 (TC)	Chênh lệch	Ghi chú
GD đại cương	42	40	-2	Giảm 2 TC
GD chuyên nghiệp	82	81	-1	Giảm 1 TC
Thực tập & Khóa luận	10	13	+3	Tăng do thêm "Thực tập trải nghiệm"
Tổng cộng	134	134	0	Tổng không đổi

Thứ ba, các học phần bị loại bỏ (không còn trong CTĐT 2025)

STT	Học phần	Tín chỉ	Ghi chú
1	Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật	2	Thay bằng Xây dựng văn bản pháp luật
2	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính và thuyết trình	2	Cắt bỏ
3	Kiểm toán căn bản	2	Cắt bỏ

4	Pháp luật đất đai và kinh doanh BĐS	3	Đã tách thành 2 học phần Luật đất đai (bắt buộc) và Luật Kinh doanh bất động sản (Tự chọn)
5	Pháp luật khiếu nại hành chính & TTHC	2	Cắt bỏ nội dung riêng về Khiếu nại hành chính, thay thế bằng học phần Luật Tố tụng hành chính
6	Luật Thuế	2	Thay bằng Luật Tài chính
7	Luật Thương mại Quốc tế	3	Cắt bỏ
8	Kinh tế vĩ mô	3	Cắt bỏ

Thứ tư, các học phần được thêm mới trong CTĐT 2025

STT	Học phần mới	Tín chỉ	Ghi chú
1	Học thuyết chính trị - pháp lý	3	Mới hoàn toàn
2	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	3	Mới hoàn toàn
3	Nghề luật và đạo đức nghề luật	3	Mới hoàn toàn
4	Luật Hôn nhân và gia đình	2	Mới hoàn toàn
5	Luật Môi trường	2	Mới hoàn toàn
6	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình trong nghề luật	2	Mới hoàn toàn

Thứ năm, học phần có điều chỉnh tăng tín chỉ và thêm nội dung

Học phần	2022 (TC)	2025 (TC)	Tăng
Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	4	+1
Kỹ năng lập luận và viết dành cho người hành nghề luật	2	3	+1 (đổi tên thành: Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật)
Luật SHTT – Pháp luật về AI	2	3	+1
Luật Hiến pháp –	2	2	Điều chỉnh tên gọi

Pháp luật về quyền con người			để thể hiện rõ nội dung về Quyền con người
Luật Hành chính – Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	3	+ 1
Công pháp quốc tế - Pháp luật Asean	2	3	+ 1
Luật Tố tụng Dân sự - Diễn án 1	2	3	+1 (thêm 01 TC thực tập, trải nghiệm)
Luật Tố tụng Hình sự - Diễn án 2	2	3	+1 (thêm 01 TC thực tập, trải nghiệm)
Luật Tố tụng Hành chính - Diễn án 3	2	3	+1 (thêm 01 TC thực tập, trải nghiệm)

Thứ sáu, các học phần có điều chỉnh giảm tín chỉ

Học phần	2022 (TC)	2025 (TC)	Giảm
Luật Dân sự – Nghĩa vụ và hợp đồng	4	3	-1
Kinh tế vi mô	3	2	-1
Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	2	-1
Nguyên lý kế toán	3	2	-1

*** Đối sánh chương trình đào tạo trong nước**

Đối sánh chương trình đào tạo của ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội với chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế của một số cơ sở đào tạo, căn cứ lựa chọn cơ sở đào tạo để đối sánh gồm: (i) là cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân (ii) Có sự tương đồng về địa lý, quy mô giảng viên, quy mô người học, trình độ và ngành đào tạo (iii) Có đầy đủ thông tin công khai chính thức để phục vụ đối sánh. Theo đó, các cơ sở giáo dục đại học được lựa chọn để đối sánh gồm:

- Trường Đại học Thương mại
- Học viện Ngân hàng.

Dưới đây là Bảng đối sánh Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội năm 2025 với Chương trình đào tạo của

các cơ sở đào tạo Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Thương mại, Học viện Ngân hàng:

Tiêu chí đối sánh	CTĐT ngành LKT trường Đại học Tài chính – Ngân hàng HN năm 2025	CTĐT ngành LKT trường Đại học Thương mại năm 2022	CTĐT ngành LKT trường Học viện ngân hàng năm 2024
1. Tổng số tín chỉ trong CTĐT	134	131	135
2. Tỷ lệ tín chỉ/thời gian đào tạo	134/ 4 năm	131/ 4 năm	135/4 năm
3. Số tín chỉ GDĐC	40	41	42
3. Tên học phần GDĐC	Triết học Kinh tế chính trị Mác – Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học Tur tưởng Hồ Chí Minh Kinh tế chính trị Mác – Lênin Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tin học 1 Tin học 2, Tiếng Anh 1 Tiếng Anh 2 Tiếng Anh 3, Logic học, Tâm lý học pháp lý, Xã hội học pháp luật, PPNCKH pháp lý, GDTC, QPAN	Triết học Mác – Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học Tur tưởng Hồ Chí Minh Kinh tế chính trị Mác – Lênin Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tiếng Anh 1 Tiếng Anh 2 Tiếng Anh 3 Tin học quản lý PPNCKH Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1 Logic học Lịch sử kinh tế Việt Nam GDTC, QPAN	Triết học Mác - Lênin Kinh tế chính trị Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tur tưởng Hồ Chí Minh Tiếng Anh I Tiếng Anh II Tiếng Anh III Năng lực số ứng dụng Logic học Kinh tế học Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp GDTC, QPAN
4. Số tín chỉ GDCN	87	90	85
4.1. Số tín chỉ kiến thức cơ sở ngành	28	29	50
4.2. Tên học phần cơ sở ngành	Lý luận Nhà nước và pháp luật Học thuyết chính trị - pháp lý	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật Luật dân sự 1 Luật dân sự 2	Nhập môn Luật học Lý luận nhà nước và pháp luật Luật học so sánh Luật hiến pháp

	<p>Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Nghề luật và đạo đức nghề luật Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật Kinh tế vĩ mô Kinh tế vi mô Lý thuyết tài chính tiền tệ Nguyên lý kế toán Quản trị học</p>	<p>Luật hiến pháp Luật hành chính Tiếng Anh chuyên ngành 1 Tiếng Anh chuyên ngành 2 Luật so sánh Xây dựng văn bản pháp luật Lịch sử nhà nước và pháp luật Công pháp quốc tế Thương mại điện tử căn bản Kinh tế thương mại đại cương Nhập môn Tài chính – Tiền tệ Khởi sự kinh doanh Kinh tế công cộng Chuyển đổi số trong kinh doanh</p>	<p>Luật hành chính Luật dân sự I Luật dân sự II Luật tố tụng dân sự Luật hình sự I Luật hình sự II Luật tố tụng hình sự Công pháp quốc tế Tư pháp quốc tế Tiếng Anh IV Quản trị học Tài chính - Tiền tệ Nguyên lý kế toán Ngân hàng thương mại Tài chính doanh nghiệp 1 Quản trị nhân lực Hệ thống thông tin quản lý</p>
4.3 Số tín chỉ chuyên ngành	57	39	42
4.4. Tên học phần bắt buộc chuyên ngành	<p>Luật Hiến pháp Luật Hành chính Luật Dân sự – Những quy định chung Luật Dân sự – Nghĩa vụ và hợp đồng Luật Thương mại Luật Thương mại quốc tế Luật Lao động Luật Hôn nhân và Gia đình Luật Hình sự Luật Tố tụng dân sự Luật Tố tụng hình sự Luật Tố tụng hành chính</p>	<p>Luật kinh tế 1 Luật kinh tế 2 Pháp luật về đầu tư Luật sở hữu trí tuệ Pháp luật lao động và an sinh xã hội Pháp luật tài chính và ngân hàng Luật thương mại quốc tế Pháp luật môi trường – đất đai Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng Luật tố tụng dân sự Pháp luật đấu thầu</p>	<p>Luật thương mại I Luật thương mại II Luật thương mại quốc tế Luật đất đai Luật lao động Luật sở hữu trí tuệ Luật ngân hàng Luật tài chính Luật chứng khoán Luật đầu tư Luật kinh doanh bảo hiểm Luật kinh doanh bất động sản Kỹ năng thực hành nghề luật</p>

	<p>Luật Sở hữu trí tuệ – Pháp luật về trí tuệ nhân tạo</p> <p>Luật Đất đai</p> <p>Luật Tài chính</p> <p>Công pháp quốc tế – Pháp luật ASEAN</p> <p>Tư pháp quốc tế</p> <p>Xây dựng văn bản pháp luật</p> <p>Tội phạm học</p> <p>Pháp luật phòng chống tham nhũng</p> <p>Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Luật chứng khoán</p> <p>Pháp luật xuất nhập khẩu</p> <p>Luật kinh doanh bảo hiểm</p> <p>Luật thương mại điện tử</p> <p>Pháp luật kinh doanh bất động sản</p> <p>Luật hình sự</p> <p>Tư pháp quốc tế</p> <p>Kỹ năng thực hành pháp luật</p> <p>Pháp luật hợp đồng</p>	<p>Thực hành nghề nghiệp 1</p> <p>Thực hành nghề nghiệp 2</p> <p>Thực hành nghề nghiệp 3</p> <p>Pháp luật kế toán</p> <p>Pháp luật quản trị công ty</p> <p>Pháp luật hải quan</p> <p>Luật môi trường</p> <p>Pháp luật an sinh xã hội</p> <p>Luật cạnh tranh</p> <p>Pháp luật thương mại điện tử</p>
4.5. Các học phần tự chọn chuyên ngành	<p>Pháp luật về các tổ chức tín dụng</p> <p>Luật Đầu tư và cạnh tranh</p> <p>Luật Kinh doanh bất động sản</p> <p>Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán</p> <p>Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu</p> <p>Luật Môi trường</p> <p>Luật Kinh doanh bảo hiểm</p> <p>Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp</p> <p>Kỹ năng tư vấn pháp luật</p>	<p>Pháp luật thuế</p> <p>Luật Phá sản</p> <p>Luật Thương mại quốc tế nâng cao</p> <p>Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng</p> <p>Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh</p>	<p>Pháp luật ngân hàng và tín dụng</p> <p>Luật thuế và quản lý thuế</p> <p>Pháp luật phòng chống rửa tiền</p> <p>Thanh toán quốc tế</p> <p>Luật bảo hiểm ngân hàng</p>
4.6. Tín chỉ các môn Pháp luật	67	50	63
4.7. Tín chỉ các môn Kỹ năng	6	3	4
4.8. Tín chỉ học phần tốt nghiệp	10	10	8

4.9. Tên học phần tốt nghiệp	- Thực tập tốt nghiệp - Khóa luận tốt nghiệp hoặc lựa chọn các học phần thay thế: Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế; Pháp luật về giao dịch bảo đảm; Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp
4.10. Thành phần thực tập, trải nghiệm	3	0	3

*** Đối sánh chương trình đào tạo luật nước ngoài**

Các cơ sở giáo dục đại học được lựa chọn để đối sánh gồm:

- Trường Đại học khoa học chính trị và pháp luật Trung Quốc
- Trường Đại học Sydney.

Dưới đây là Bảng đối sánh Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội năm 2025 với Chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo Trường Đại học Sydney và Trường Đại học Khoa học chính trị và pháp lý Trung Quốc:

Tiêu chí	CTĐT ngành Luật kinh tế trường Đại học Tài chính – Ngân hàng HN (FBU)	CTĐT ngành Luật kinh tế trường Đại học Sydney²	CTĐT ngành Luật trường Đại học khoa học chính trị và pháp luật Trung Quốc (CUPL)³
Tổng số tín chỉ	134	-	-
Thời gian đào tạo	4 năm	5 năm (Chương trình kép kinh tế và luật)	4 năm
Khối kiến thức giáo	- Triết học Mác – Lênin (3)	Foundations of Law	- Tư tưởng Tập Cận Bình về nhà nước

² https://rp-handbooks.sydney.edu.au/handbooks/archive/2013/law/undergraduate/units_of_study/table.shtml.html

³ https://flxy.cupl.edu.cn/en/STUDYING_LAW_IN_OUR_SCHOOL/Curriculum.htm

<p>đục đại cương</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2) - Chủ nghĩa xã hội khoa học (2) - Tư tưởng Hồ Chí Minh (2) - Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2) - Tin học 1 (2) - Tin học 2 (2) - Tiếng Anh 1 (4) - Tiếng Anh 2 (4) - Tiếng Anh 3 (4) - Giáo dục thể chất (3) - Giáo dục quốc phòng – an ninh (8) - Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý (2) - Logic học (2) - Tâm lý học pháp lý (2) - Xã hội học pháp luật (2) 	<p>(6) (Cơ sở luật pháp)</p>	<p>pháp quyền xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ nước ngoài hợp pháp - Nghiên cứu lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc
<p>Khối kiến thức chuyên nghiệp bắt buộc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lý luận Nhà nước và pháp luật (4) - Học thuyết chính trị - pháp lý (3) - Lịch sử Nhà nước và Pháp luật (3) - Nghề luật và đạo đức nghề luật (3) - Lập luận và kỹ năng viết trong nghề 	<ul style="list-style-type: none"> - Foundations of Law (6) (Cơ sở luật pháp) - Legal Research and Writing (6) (Nghiên cứu và Viết pháp lý) - Contract Law A (6) (Luật Hợp đồng A) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật học - Luật Hiến pháp - Luật Dân sự I: Giới thiệu chung - Luật Dân sự II: Luật Tài sản - Luật dân sự III: Nợ và hợp đồng - Luật Dân sự IV:

	<p>luật (3)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế vĩ mô (2) - Kinh tế vi mô (2) - Lý thuyết tài chính tiền tệ (2) - Nguyên lý kế toán (2) - Quản trị học (2) - Luật Hiến pháp (quyền con người) (2) - Luật Hành chính (2) - Luật Dân sự - Những quy định chung (2) - Luật Dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng (3) - Luật Thương mại (2) - Luật thương mại quốc tế (2) - Luật Lao động (2) - Luật Hôn nhân và gia đình (2) - Luật Hình sự (3) - Luật Tố tụng dân sự (2) - Luật Tố tụng hình sự (2) - Luật Tố tụng hành chính (2) - Luật Sở hữu trí tuệ - Pháp luật về trí tuệ nhân tạo (3) - Luật Đất đai (2) 	<ul style="list-style-type: none"> - Contract Law B (6) (Luật Hợp đồng B) - Torts Law A (6) (Luật về hành vi sai trái A) - Torts Law B (6) (Luật về hành vi sai trái B) - Criminal Law and Procedure A (6) (Luật Hình sự và Tố tụng A) - Criminal Law and Procedure B (6) (Luật Hình sự và Tố tụng B) - Public Law A (Constitutional Law) (6) (Công luật A - Luật Hiến pháp) - Public Law B (Administrative Law) (6) (Công luật B - Luật Hành chính) - Property Law A (6) (Luật Tài sản A) - Property Law B (6) (Luật Tài sản B) - Equity and Trusts (6) (Luật công bằng và ủy thác) - Evidence (6) (Luật Chứng cứ) - Civil Procedure (6) (Tố tụng dân sự) 	<p>Luật Tort</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Hình Sự I: Nguyên Tắc Chung - Luật Hình sự II: Các quy định cụ thể - Lý thuyết chung về Luật thương mại và Luật doanh nghiệp - Công pháp quốc tế - Đạo đức nghề nghiệp pháp lý - Luật tố tụng dân sự - Luật tố tụng hình sự - Luật hành chính và Luật tố tụng hành chính - Nghiên cứu tình huống về Luật dân sự và Luật tố tụng dân sự, Nghiên cứu tình huống về Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự, Nghiên cứu tình huống về Luật hành chính và Luật tố tụng hành chính (chọn một trong ba lựa chọn) - Viết văn bản pháp lý - Tìm kiếm tài liệu và viết bài luận
--	--	--	---

	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài chính (3) - Công pháp quốc tế - Pháp luật Asean (3) - Tư pháp quốc tế (2) - Xây dựng văn bản pháp luật (2) - Tội phạm học (2) - Pháp luật phòng chống tham nhũng (2) - Luật Doanh nghiệp (2) 	<ul style="list-style-type: none"> - Corporations Law (6) (Luật Doanh nghiệp) - Legal Ethics and Professional Responsibility (6) (Đạo đức nghề nghiệp luật) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đàm phán pháp lý - Tòa án giả định, Tòa án trọng tài giả định và Hòa giải giả định - Thực tập chuyên nghiệp
<p>Khối kiến thức chuyên nghiệp tự chọn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý (2) - Logic học (2) - Tâm lý học pháp lý (2) - Xã hội học pháp luật (2) - Kỹ năng làm việc nhóm (2) - Kỹ năng giao tiếp ứng xử, thuyết trình trong nghề luật (2) - Pháp luật về các tổ chức tín dụng (2) - Luật đầu tư và cạnh tranh (2) - Luật Kinh doanh bất động sản (2) - Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán 	<ul style="list-style-type: none"> - International Law (6) (Luật Quốc tế) - Commercial Law (6) (Luật Thương mại) - Human Rights Law (6) (Luật Nhân quyền) - Intellectual Property Law (6) (Luật Sở hữu trí tuệ) - Environmental Law (6) (Luật Môi trường) - Alternative Dispute Resolution (6) (Giải quyết tranh chấp thay thế) - Law and Technology (6) (Luật và Công nghệ) - Advanced 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật gia đình và luật thừa kế - Tư duy pháp lý và phương pháp pháp lý - Lịch sử pháp lý nước ngoài - Lịch sử pháp lý Trung Quốc - Giới thiệu về Luật Kinh tế - Luật chứng cứ - Luật kinh tế quốc tế - Luật quốc tế tư nhân - Luật cạnh tranh - Luật bảo vệ người tiêu dùng - Luật bất động sản - Luật công chứng - Luật tín thác

	<p>(2)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu (2) - Luật Môi trường (2) - Luật Kinh doanh bảo hiểm (2) - Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp (2) - Kỹ năng tư vấn pháp luật (2) - Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế (2) - Pháp luật về giao dịch bảo đảm (2) - Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại (2) 	<p>Criminal Law (6) (Luật Hình sự nâng cao)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Family Law (6) (Luật Gia đình) - Labour Law (6) (Luật Lao động) - Jurisprudence (Triết học Luật) (6) - Law and Social Theory (Triết học Luật) (6) - Theories of Law and Justice (Triết học Luật) (6) 	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về Luật Sở hữu trí tuệ - Bộ Luật Sở Hữu Trí Tuệ Chuyên Sâu - Khóa học hướng dẫn cho chuỗi khóa học chuyên sâu về Luật lao động - Giới thiệu về Luật Tài chính và Thuế - Khóa học hướng dẫn cho chuỗi khóa học chuyên sâu về Luật thuế và Luật tài chính - Giới thiệu về Luật Bảo vệ Môi trường - Khóa học hướng dẫn cho chuỗi khóa học chuyên sâu về Luật bảo vệ môi trường và Luật năng lượng - Luật thương mại quốc tế - Giới thiệu về Luật Y tế - Văn bản pháp lý tiếng Anh - Kỹ năng cốt lõi của nghề luật - Giáo dục pháp lý lâm sàng - Thực hành luật sư
--	--	--	---

Bản mô tả Chương trình đào tạo này được soạn thảo dựa trên Chương trình đào tạo

trình độ đại học chính quy ngành Luật Kinh tế đã được ban hành theo Quyết định số **297/QĐ-ĐHTNH** ngày **30/6/2025** của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính Ngân hàng Hà Nội.

Hà Nội, ngày **30 tháng 6** năm 2025

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Nguyễn Hoàng Minh

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Phạm Ngọc Ánh